

GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ - GS.TS. ĐINH XUÂN DŨNG
(Đồng chủ biên)

VĂN HÓA SỨC MẠNH NỘI SINH CỦA PHÁT TRIỂN

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**VĂN HÓA
SỨC MẠNH NỘI SINH
CỦA PHÁT TRIỂN**

Mã số: $\frac{9(V)2}{CTQG-2014}$

306.09 597

V 115 H

GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ - GS.TS. ĐINH XUÂN DŨNG
(Đồng chủ biên)

VĂN HÓA SỨC MẠNH NỘI SINH CỦA PHÁT TRIỂN

THƯ VIỆN TỈNH
BÌNH PHƯỚC
VT/ 1025

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
Hà Nội - 2014

CÁC TÁC GIẢ

GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ	PGS.TS. BÙI ĐÌNH PHONG
GS.TS. ĐINH XUÂN DŨNG	PGS.TS. TẠ VĂN THÀNH
GS.TS. HOÀNG CHÍ BẢO	TS. NGUYỄN TOÀN THẮNG
PGS.TS. PHAN XUÂN BIÊN	GS.TSKH. TRẦN NGỌC THÊM
TS. ĐỖ QUÝ DOÃN	PGS.TS. HOÀNG BÁ THỊNH
PGS.TS. PHẠM DUY ĐỨC	GS.TS. NGÔ ĐỨC THỊNH
TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU	GS.TS. NGUYỄN MINH THUYẾT
TS. BÙI VĂN HƯNG	PGS.TS. NGUYỄN HỮU THỨC
GS.TS. ĐỖ QUANG HƯNG	PGS.TS. PHAN TRỌNG THƯỜNG
PGS.TS. PHẠM QUANG LONG	TS. NGUYỄN VĂN TỈNH
GS.TS. NGÔ VĂN LỆ	ThS. HỒ ANH TUẤN
	PGS.TS. TRẦN QUỐC TOÀN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng “về xây dựng, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” đã thực hiện được hơn 15 năm. Với quan điểm văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã thực sự trở thành văn kiện chuyên đề văn hóa đầu tiên của Đảng (sau Đề cương văn hóa năm 1943), đặt ra chiến lược xây dựng và phát triển văn hóa nước ta trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9-6-2014 “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trên cơ sở kế thừa những thành tựu của 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã tiếp tục khẳng định vai trò của văn hóa trong hội nhập quốc tế và đời sống xã hội.

Tổng kết hơn 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Đảng ta nhận định: Nghị quyết đã đáp ứng đúng yêu cầu phát triển của đất nước và nguyện vọng của nhân dân, có sức lan tỏa sâu rộng trong cuộc sống, được xã hội nhiệt tình hưởng ứng thực hiện, tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống xã hội, hình thành nhiều phong trào văn hóa ở các vùng miền, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, góp phần vào việc giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn

nhiều hạn chế đang tồn tại, kết quả đạt được của Nghị quyết chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng yêu cầu và chưa vững chắc; thiếu sự gắn bó chặt chẽ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị,... Bên cạnh đó, thực tiễn cuộc sống cũng xuất hiện nhiều vấn đề cần được nhận thức và giải quyết. Do vậy, để phát huy hết tầm nhìn, giá trị tư tưởng, nhân văn, khoa học của Nghị quyết, để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần xã hội vững chắc, là sức mạnh nội sinh, là mục tiêu, động lực tạo ra sản phẩm vật chất xã hội, điều rất cần thiết là phải rà soát lại nhận thức lý luận, đánh giá khách quan quá trình triển khai xây dựng văn hóa trong thời kỳ đổi mới, trên cơ sở đó có những định hướng chiến lược cho việc xây dựng và phát triển toàn diện nền văn hóa Việt Nam trong thời gian tới phù hợp với điều kiện đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay.

Để giúp bạn đọc hiểu rõ vấn đề này, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách: ***Văn hóa - Sức mạnh nội sinh của phát triển*** do GS.TS. Phùng Hữu Phú và GS.TS. Đinh Xuân Dũng đồng chủ biên.

Cuốn sách là một phân kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp Nhà nước: “*Định hướng phát triển văn hóa - Sức mạnh nội sinh của dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*”. Trên cơ sở các bài viết chuyên sâu của nhiều nhà khoa học đầu ngành về văn hóa, cuốn sách giúp bạn đọc hiểu một cách sâu sắc những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển văn hóa trong quá trình đổi mới đất nước, đặc biệt là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đến nay. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng nghiên cứu văn hóa với vai trò là sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển, cho thấy rõ sự xuyên thấm vào nhau giữa văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội... nhằm xác định sức mạnh tổng hợp của sự phát triển dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Từ quan điểm “văn hóa là sức mạnh nội sinh của sự phát triển”, đánh giá và nhận thức lại thành tựu và những hạn chế, khuyết điểm trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa từ đổi mới (năm 1986) đến nay, rút ra bài học về xử

lý các mối quan hệ lớn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Cuốn sách cũng đề xuất mục tiêu, quan điểm, định hướng và những giải pháp có tầm chiến lược và tính đột phá trong việc xây dựng và phát triển văn hóa trong giai đoạn hiện nay.

Để bạn đọc thuận lợi nghiên cứu, tham khảo và tôn trọng chính kiến của các tác giả, chúng tôi cố gắng giữ nguyên luận chứng của các tác giả và coi đây là quan điểm riêng. Hy vọng cuốn sách sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích không chỉ cho giới nghiên cứu văn hóa, các nhà hoạch định chính sách phát triển văn hóa mà còn giúp ích cho đông đảo bạn đọc quan tâm, tìm hiểu về phát triển văn hóa trong thời kỳ mới.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 11 năm 2014

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA NGUỒN LỰC NỘI SINH CỦA PHÁT TRIỂN: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

GS.TS. PHÙNG HỮU PHÚ

Công cuộc đổi mới đất nước đã trải qua gần 30 năm. Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* đến nay đã hơn 15 năm. Thực tiễn xây dựng, phát triển văn hóa ở nước ta đang xuất hiện nhiều vấn đề cần được nhận thức và giải quyết. Để có cơ sở đề xuất phương hướng, giải pháp tiếp tục phát triển nền văn hóa đủ sức đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ phát triển chiến lược mới, cần thiết phải rà soát lại nhận thức lý luận, đánh giá quá trình triển khai xây dựng văn hóa trong tiến trình đổi mới, trực tiếp là 15 năm (1998-2013) thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa. Bài viết này bước đầu nghiên cứu theo định hướng đó. Nói là bước đầu với hàm ý, chuyên đề chưa đi sâu nghiên cứu toàn diện, cụ thể các vấn đề, mà giới hạn phạm vi nghiên cứu trong việc phân tích tổng quát một số vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến quan điểm mấu chốt: văn hóa - nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển¹. Bài viết tập trung vào ba nội dung chính sau:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55.

- Nhận thức về văn hóa - nguồn lực nội sinh của phát triển;
- Đánh giá mức độ thâm thấu của văn hóa trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội;
- Một số vấn đề mới đặt ra cần nhận thức và giải quyết.

1. Nhận thức về văn hóa - nguồn lực nội sinh của phát triển

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng lĩnh vực xây dựng, phát triển văn hóa. Đảng đã ban hành nhiều văn kiện quan trọng để định hướng, lãnh đạo lĩnh vực đặc biệt quan trọng này. Sau hơn 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, tháng 7-1998, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã thông qua Nghị quyết “*về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”¹ - Nghị quyết này được giới nghiên cứu văn hóa đánh giá là cương lĩnh phát triển văn hóa thời kỳ đổi mới. Nội dung Nghị quyết rất phong phú với nhiều quan điểm, luận điểm, định hướng mang tính khoa học và tầm nhìn xa của Đảng, nổi bật là luận điểm phải làm cho văn hóa “*biến thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển*”.

Luận điểm sâu sắc này được thể hiện trong phương hướng, quan điểm và những định hướng nhiệm vụ trình bày trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) và tiếp tục được hoàn thiện trong các văn kiện Đại hội IX, X, XI của Đảng và nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Sdd.

các khóa¹. Nội hàm của luận điểm rất rộng, song cơ bản nhất, tiếp cận từ các văn kiện của Đảng, có thể khái quát những nội dung chính sau:

Thứ nhất, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, kết gắn chặt chẽ phát triển kinh tế, xã hội với phát triển văn hóa. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Văn hóa là kết quả của kinh tế, đồng thời là động lực của phát triển kinh tế. Xã hội là môi trường nuôi dưỡng, phát triển văn hóa. Các nhân tố văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với đời sống và hoạt động xã hội trên mọi phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, luật pháp, kỷ cương; phải là chất kết dính, điều tiết, lành mạnh hóa quan hệ cộng đồng, xã hội, thật sự là nền tảng tinh thần của xã hội.

Thứ ba, gắn kết, thực hiện đồng bộ ba nhiệm vụ chiến lược: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng chính đốn Đảng là

1. Văn kiện Đại hội IX (2001), Đại hội X (2006), Đại hội XI (2011) của Đảng; Kết luận số 30-KL/TW ngày 20-7-2004 Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16-6-2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới...

then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội, bảo đảm sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước. Đánh giá sự phát triển, tầm vóc và ảnh hưởng của văn hóa phải căn cứ vào những nội dung cốt lõi này.

Trong gần 30 năm đổi mới, đặc biệt là qua hơn 15 năm triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa, nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về vai trò, vị trí của văn hóa, nói chung, về quan điểm “văn hóa là nguồn lực nội sinh của phát triển” đã được nâng lên một bước. Một số cấp ủy đảng, chính quyền đã bước đầu nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa trong công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành. Nhiệm vụ xây dựng nền tảng tư tưởng, đạo đức trong Đảng và toàn xã hội; đấu tranh ngăn chặn tình trạng xuống cấp, suy thoái về văn hóa; bảo tồn, phát huy các giá trị và bản sắc văn hóa dân tộc, phấn đấu sáng tạo những giá trị văn hóa mới... từng bước trở thành nhận thức và mối quan tâm chung của toàn xã hội. Nhận thức đó đã bước đầu được chuyển hóa thành các phong trào xã hội mang đậm tính nhân văn, thành những hoạt động cụ thể trong lãnh đạo, quản lý, sản xuất, kinh doanh, học tập, sáng tạo, góp phần mở rộng, nâng cao nguồn lực nội sinh của đất nước, dân tộc, của con người Việt Nam. Chính việc khơi nguồn, mở mạch nguồn lực nội sinh đó là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên thành quả của quá trình đổi mới.

Tuy nhiên, qua nghiên cứu và khảo sát thực tiễn, có thể thấy một thực trạng, trong cán bộ, đảng viên, nhân dân, ở những mức độ khác nhau, quan điểm “văn hóa - nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển” chưa được nhận thức đầy đủ, sâu sắc. Có thể phân loại mấy cấp độ nhận thức về quan điểm này như sau:

- Phần lớn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp cho rằng, văn hóa là phạm trù đời sống tinh thần, bao gồm những giá trị tư

tưởng, đạo đức, hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí - một lĩnh vực có thể làm lâu dài, từng bước, chưa phải là công việc cần kíp. Đa số chưa hiểu sâu sắc sự cần thiết và nội dung phải làm để văn hóa thấm sâu vào mọi mặt, mọi hoạt động của đời sống xã hội, trở thành động lực bên trong của phát triển, thành nhân tố có ý nghĩa nền tảng bảo đảm phát triển bền vững; chưa hiểu rõ mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; do vậy trong lãnh đạo, quản lý thường tách rời văn hóa với các lĩnh vực hoạt động khác. Nhận thức này dẫn đến hệ lụy là nhiều cấp ủy đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng tầm và thường xuyên đến nhiệm vụ phát triển, quản lý văn hóa.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên đồng nhất một cách giản đơn văn hóa với những lĩnh vực hoạt động văn hóa cụ thể như: bảo tồn, bảo tàng; thư viện; tuyên truyền, quảng bá văn hóa; sáng tác, biểu diễn văn học - nghệ thuật... Nhận thức này dẫn đến cách nhìn nhận văn hóa là một ngành, một lĩnh vực hoạt động, trách nhiệm chính thuộc về các cơ quan chức năng, chuyên môn.

- Đa số nhân dân nhận thức văn hóa là những lĩnh vực, những hoạt động vui chơi, giải trí; chưa hiểu rõ tầm cao, chiều sâu, ý nghĩa quan trọng của văn hóa đối với đời sống gia đình, cộng đồng, xã hội. Vì lẽ đó, chưa quan tâm đầy đủ đến việc giữ gìn, phát huy, sáng tạo các giá trị văn hóa và có phần đơn giản, dễ dãi, thậm chí tùy tiện trong ứng xử văn hóa, hưởng thụ văn hóa.

Bên cạnh những hạn chế về nhận thức nói trên, còn có những bất cập về trình độ hiểu biết văn hóa, kinh nghiệm quản lý văn hóa và cả sự xuống cấp, tha hóa về văn hóa của đội ngũ cán bộ, quản lý; trình độ, năng lực thực hành, thụ hưởng văn hóa của nhân dân và tác động nhiều chiều, rất phức tạp của

mặt trái kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế. Đó chính là những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến những yếu kém, khuyết điểm trong phát triển, quản lý văn hóa, gây nhiều bức xúc trong xã hội.

2. Bước đầu đánh giá mức độ thấm thấu của văn hóa trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội

Muốn đánh giá văn hóa đã trở thành nguồn lực nội sinh của phát triển như thế nào, trước hết và quan trọng nhất phải đánh giá mức độ thấm thấu và ảnh hưởng, tác động của văn hóa đến các mặt, các lĩnh vực, các hoạt động của đời sống xã hội, đặc biệt là chính trị, kinh tế, xã hội. Cần thiết phải sử dụng các phương pháp định lượng để có thể đo đếm được tương đối xác thực nội dung này. Mặt khác, cần khảo sát thực tiễn, lắng nghe, tập hợp, chất lọc ý kiến của công luận, của các diễn đàn quan phương, phi quan phương để có thể nhận diện một cách cơ bản mức độ thấm thấu của văn hóa trong đời sống xã hội hiện nay.

a) Văn hóa trong đời sống chính trị

Từ rất sớm, Đảng đã nhận thức được sự cần thiết phải gắn kết phát triển văn hóa với xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phải xây dựng văn hóa trong Đảng, trong hệ thống chính trị, trọng tâm là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hóa trong các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể nhân dân, trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Lấy sự gương mẫu về mọi mặt của các tổ chức và từng cán bộ, đảng viên trong bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể mà phát huy vai trò lãnh đạo xã hội, xây dựng văn hóa nói chung và thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa nói riêng. Theo chủ trương này, Đảng đã phát động nhiều phong trào, nhiều cuộc vận động lớn mang ý nghĩa chính trị - văn hóa sâu sắc như: xây dựng,

chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh; học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; phê bình và tự phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI); cải cách hành chính, xây dựng đạo đức công vụ... Thông qua các hoạt động thực tiễn, văn hóa đã từng bước thâm nhập vào đời sống chính trị, hoạt động chính trị; bước đầu hình thành văn hóa chính trị, văn hóa lãnh đạo, văn hóa quản lý, văn hóa công vụ... Những kết quả này, ở chừng mực nhất định, đã trở thành nguồn lực nội sinh, góp phần quan trọng giữ vững vai trò lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân; bảo đảm ổn định chính trị, xã hội.

Tuy nhiên, mức độ thâm nhập của văn hóa vào đời sống chính trị, hoạt động chính trị còn nhiều hạn chế. Nhiệm vụ xây dựng văn hóa trong Đảng, trong bộ máy nhà nước chưa được triển khai tích cực, nhiều nơi còn hình thức, thậm chí xem nhẹ. Văn hóa chính trị, văn hóa lãnh đạo, quản lý, công vụ chưa đậm nét; không ít cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức chưa nêu được tấm gương văn hóa đối với nhân dân. Nguồn lực văn hóa chưa đến độ chuyển hóa thành sức mạnh nội sinh đủ mạnh để có thể ngăn chặn, đẩy lùi những tiêu cực và sự tha hóa trong Đảng, trong hệ thống chính trị. Sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, mất dân chủ, vô trách nhiệm... trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, công chức, kể cả cấp cao, đang làm văn đục môi trường chính trị, hạn chế sức mạnh lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, làm xói mòn niềm tin của nhân dân.



b) Văn hóa trong đời sống kinh tế

Thực hiện quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển văn hoá, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, nhiều địa phương, nhiều doanh nghiệp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ nhằm đổi mới công nghệ, quy trình và dây chuyền sản xuất; cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... Không ít doanh nghiệp, các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đã chú trọng đổi mới phương thức, phương pháp quản lý, quản trị theo tiêu chuẩn ISO; quan tâm xây dựng văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh, văn minh thương mại... Những cố gắng đó, ở chừng mực nhất định, đã mở đường để văn hóa thâm nhập vào đời sống kinh tế, góp phần tạo nên sự tăng trưởng kinh tế trong những năm đổi mới.

Tuy nhiên, nhìn một cách toàn diện, phân tích sâu các lĩnh vực kinh tế sẽ thấy khá rõ một thực tế là văn hóa chưa thấm thấu được bao nhiêu trong đời sống và hoạt động kinh tế. Điều này được thể hiện cụ thể ở các mặt như:

- Chủ trương xây dựng chính sách kinh tế trong văn hoá, chính sách văn hóa trong kinh tế, chính sách xã hội hoá... chậm được cụ thể hóa một cách đồng bộ, chính xác, chưa trở thành cầu nối gắn kết văn hóa với kinh tế.

- Việc ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, kinh doanh, quản lý, quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chưa trở thành nhận thức tự giác, hoạt động thường xuyên của các doanh nghiệp. Nhìn chung, trong phần lớn doanh nghiệp nước ta, thiết bị, quy trình công nghệ còn lạc hậu; mô hình tổ chức, quản lý, quản trị chưa hợp lý,

thiếu hiệu quả; nguồn nhân lực chủ yếu vẫn là lao động thủ công; hàm lượng chất xám trong các sản phẩm hàng hóa thấp.

- Thị trường các sản phẩm và dịch vụ văn hóa tuy đã hình thành, song vẫn còn nhỏ lẻ, thiếu đồng bộ, còn mang nhiều yếu tố tự phát; các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm văn hoá, dịch vụ văn hóa đa phần còn nhỏ bé, hoạt động khó khăn, nguồn lực hạn chế, sức cạnh tranh thấp. Các sản phẩm văn hóa nhiều nhưng ít các sản phẩm có giá trị hay giá trị sử dụng cao. Việc xây dựng ngành kinh tế văn hoá, công nghiệp văn hóa vẫn còn là câu chuyện ở phía trước.

- Văn hóa doanh nhân, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa kinh doanh, văn hóa lao động, văn minh thương mại, văn hóa du lịch... phần lớn mới dừng lại ở các cuộc hội thảo, các chương trình, đề án, chưa thực sự đi vào đời sống. Văn hóa chưa đủ sức vun trồng, bồi đắp những nhân tố mới, những giá trị mới để ngăn chặn, đẩy lùi những nhân tố tiêu cực, độc hại trong đời sống, hoạt động kinh tế. Tình trạng làm ăn chộp giật, móc ngoặc, lừa đảo; nạn buôn lậu, làm ăn phi pháp, trốn thuế, hàng lậu, hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng, hàng độc hại, tệ tham nhũng, lãng phí... đang làm tiêu phí nguồn lực phát triển kinh tế, gây nên những bức xúc trong xã hội hàng ngày.

- Nhìn chung, kinh tế chưa làm tốt vai trò tạo tiền đề, điều kiện vật chất để phát triển văn hoá; trên thực tế, không ít trường hợp, ở nhiều nơi đã diễn ra tình trạng hy sinh văn hóa vì kinh tế. Một số dự án kinh tế đã xâm hại các di sản, công trình văn hoá, phá vỡ không gian, môi trường văn hoá.

Những yếu kém, khuyết điểm nêu trên cho thấy sự phân cách, thiếu kết gắn giữa kinh tế với văn hoá, văn hóa với kinh tế. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây chính là nguyên nhân sâu xa làm cho nền kinh tế nước ta tuy có tăng trưởng, nhưng phát triển thiếu bền vững, chất lượng và sức cạnh tranh thấp; nền văn hóa nước ta phát triển thiếu chiều sâu, sức lan toả còn hạn hẹp.

c) Văn hóa trong đời sống xã hội

Trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng đều khẳng định phát triển văn hóa phải hài hoà với phát triển xã hội; văn hóa phải hướng tới mục tiêu xây dựng, truyền bá hệ giá trị dân tộc, xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện theo những chuẩn mực chân - thiện - mỹ... Những năm đổi mới, nhất là từ khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đến nay, các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể nhân dân đã phát động, lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân cả nước triển khai nhiều phong trào, nhiều cuộc vận động mang tính văn hóa - xã hội. Nổi bật là phong trào “Người tốt, việc tốt”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” với nhiều nội dung, hình thức phù hợp với từng ngành, từng giới, từng lứa tuổi (xây dựng gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá, thôn ấp, bản, làng văn hoá; cơ quan, đơn vị, nhà trường, doanh nghiệp văn hoá); phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Xóa đói, giảm nghèo”, “Xây dựng nông thôn mới”; “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”... Từ trong các phong trào đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu, có sức lan tỏa. Những hoạt động thâm đậm tính nhân văn đó đã góp phần phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc; từng bước đưa văn hóa vào đời sống xã hội, bước đầu trở thành chất keo kết dính cộng đồng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc.

Tuy vậy, sự thấm thấu của văn hóa vào đời sống, hoạt động xã hội vẫn chưa đồng bộ, thiếu chiều sâu, tính bền vững nên chưa đủ độ tạo nên những chuyển biến sâu sắc. Tính chất này được thể hiện trên các mặt như:

- Các phong trào, các cuộc vận động văn hóa - xã hội được triển khai chưa đồng đều, nhiều nơi còn hình thức, chạy theo thành tích, do vậy hiệu quả không cao.

- Nhiệm vụ xây dựng con người, bồi dưỡng thế hệ trẻ được nhấn mạnh trong các nghị quyết của Đảng như là nhiệm vụ trung tâm, song trên thực tế chưa được quan tâm đúng tầm mức. Nhà trường, gia đình, xã hội chưa dành sự ưu tiên, chăm lo hàng đầu cho việc xây dựng con người về đời sống văn hóa tinh thần cũng như cơ hội phát triển trong một môi trường văn hóa lành mạnh. Trình độ văn hóa, mức hưởng thụ văn hóa của một bộ phận không nhỏ người lao động (công nhân, nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa...) còn thấp, có nơi còn rất thấp; điều kiện phát triển vô cùng khó khăn. Sự thâm thấu, sức lan toả của văn hóa đối với con người, với cộng đồng chưa đủ *rộng - sâu - bền - đều* nên chưa tạo được sự chuyển biến về chất về dân trí, dân khí, dân sinh để chuyển hóa thành nguồn lực, sức mạnh nội sinh mới của dân tộc.

Xét cả từ bình diện nghiên cứu lý thuyết đến hoạt động thực tiễn, có thể nói chưa đủ chín để hình thành một hệ giá trị của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh, thời đại cách mạng và đổi mới. Chính sự chậm trễ này và những yếu kém trong xây dựng, quản lý văn hoá, xã hội đã tạo thành sơ hở để những mặt trái, tiêu cực của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế xâm nhập, tấn công dữ dội vào con người, gia đình, cộng đồng, gây nên những hệ lụy nặng nề. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, chúng ta đang khủng hoảng hệ giá trị mà biểu hiện phổ biến, hằng ngày là sự thiếu thống nhất, lệch lạc về tư tưởng, về thế giới quan, nhân sinh quan; sự lệch chuẩn, xuống cấp về đạo đức, lối sống; sự rạn nứt trong quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân với cộng đồng. Những giá trị truyền thống cao đẹp của dân tộc: trọng tình thương, lễ phải, đức hy sinh, thủy chung, vị tha, cần cù... có nguy cơ bị xói mòn. Tình trạng bạo lực, tội phạm, lối sống thực dụng, buông thả, vị kỷ, giả dối, vô cảm... đang là những nguy cơ đáng báo động, gây

ảnh hưởng nghiêm trọng đến công cuộc xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, đến việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước.

Khái quát lại, tuy đã có những bước tiến bộ mới, song xây dựng, phát triển văn hoá, cả về nhận thức lý luận và hoạt động thực tiễn, còn nhiều yếu kém, bất cập. Văn hóa chưa thật sự trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển.

3. Một số vấn đề mới về lý luận và thực tiễn đang đặt ra cần nhận thức và giải quyết

a) Về nhận thức lý luận

Trong gần 30 năm khởi xướng, lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước, Đảng đã xây dựng, từng bước hoàn thiện quan điểm, chủ trương phát triển văn hoá. Nghiên cứu kỹ các văn kiện Đảng về văn hoá, có thể thấy sự sáng tạo, độc đáo, tính cách mạng và khoa học trong tư duy lý luận. Tuy vậy, hơn 15 năm qua, sau Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về văn hoá, một số nhận thức mới chưa được hệ thống lại, bổ sung và phát triển; một số động thái thực tiễn mới nảy sinh chưa được nghiên cứu, lý giải kịp thời, do vậy về nhận thức lý luận còn bộc lộ những hạn chế, bất cập cần được khắc phục. Có mấy vấn đề đang đặt ra, đó là:

Thứ nhất, cần hoàn thiện quan điểm “văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội”. Quan điểm này đúng nhưng chưa đủ, dễ dẫn đến nhận thức phiến diện về vai trò của văn hoá, tách rời văn hóa khỏi kinh tế; có nhà nghiên cứu cho rằng, quan điểm này có màu sắc duy tâm chủ nghĩa hoặc sa vào nhị nguyên luận¹. Điều đáng nói là

1. Lê Quý Đức: “Những giải pháp xây dựng nền văn hoá dân tộc sau giai đoạn thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII)” tại Hội thảo khoa học do Trường Đại học Văn hoá Hà Nội tổ chức tháng 5-2013.

quan điểm này không tương thích với quan điểm xem văn hóa là “nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển”, văn hóa phải thấm sâu vào mọi mặt, mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, pháp luật... để trở thành động lực bên trong của phát triển. Như vậy, văn hóa cần được hiểu không chỉ là nền tảng tinh thần mà còn là nền tảng về vật chất, do đó nên chăng điều chỉnh quan điểm này thành: “*văn hóa - nền tảng của phát triển*”.

Thứ hai, trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) có sự không đồng nhất trong sử dụng khái niệm. Tiêu đề Nghị quyết là “*xây dựng và phát triển nền văn hóa*”, nhưng nội dung Nghị quyết chỉ trình bày xây dựng, phát triển “*văn hóa*”. Khái niệm “*nền văn hóa*” chưa được xác định rõ, do vậy những nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết chưa đầy đủ, thiên về xây dựng đời sống tinh thần và triển khai công việc của ngành văn hóa, thông tin. Đây là một khoảng trống về nhận thức lý luận, cần nghiên cứu để đưa ra nhận thức hoàn chỉnh về cấu trúc, nội hàm “*nền văn hóa*”, luận giải thấu đáo các thành tố tinh thần và vật chất cấu thành nền văn hóa, đặc biệt là các thành tố chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa - chính trị - kinh tế - xã hội (nhận thức này còn chưa rõ ràng, đầy đủ, dẫn đến tình trạng lúng túng trong triển khai thực hiện).

Thứ ba, sau Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về văn hóa, Đảng đã có thêm những nhận thức mới, rất sâu sắc, nổi bật là:

+ “Bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và *bền vững* của đất nước”¹. Luận

1. Kết luận số 30-KL/TW ngày 20-7-2004 Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII.

điểm này thể hiện nhận thức mới của Đảng về *phát triển bền vững* - lâu nay, phát triển bền vững vẫn được hiểu là sự giải quyết hài hòa ba nhân tố kinh tế - xã hội - môi trường.

+ “Phát triển văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và chính sách phát triển là thể hiện rõ nhất tính ưu việt của chế độ ta”¹. Đây là sự giải đáp và khẳng định ngắn gọn, rõ ràng nhất về tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội - câu hỏi khá phổ biến của cán bộ, đảng viên và nhân dân lâu nay.

Những luận điểm nói trên cần được chất lọc, hoàn chỉnh để bổ sung vào hệ quan điểm chỉ đạo quá trình xây dựng, phát triển văn hóa trong thời kỳ phát triển mới.

Thứ tư, cần hoàn thiện đường lối chiến lược phát triển đất nước theo hướng bổ sung nội dung *phát triển xã hội* cùng với phát triển kinh tế, xây dựng Đảng, nâng cao văn hóa như là bốn trụ cột phát triển bền vững (hiện nay, trong đường lối chiến lược của Đảng xác định ba trụ cột: kinh tế, xây dựng Đảng, văn hóa). Cùng cần luận giải rõ ràng, đầy đủ hơn những khái niệm rất căn bản: *văn hóa lãnh đạo, văn hóa quản lý, chính sách kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế*..

b) Về hoạt động thực tiễn

Thực tiễn xây dựng, phát triển văn hóa đang đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết, trong đó quan trọng bậc nhất là nâng cao phẩm chất, năng lực văn hóa của các chủ thể sáng tạo văn hóa.

Trước hết, để phát huy vai trò có ý nghĩa quyết định của Đảng và hệ thống chính trị trong phát triển, xây dựng văn hoá, cần phát động và triển khai sâu rộng, nghiêm túc phong trào

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.40.

xây dựng Đảng học tập, Nhà nước học tập, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội học tập làm nòng cốt xây dựng xã hội học tập; xây dựng văn hóa chính trị, trọng tâm là xây dựng văn hóa lãnh đạo, văn hóa quản lý.

Thứ hai, đẩy nhanh quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách làm cơ sở pháp lý để gắn kết chặt chẽ văn hóa với chính trị, kinh tế, xã hội trong các chương trình, kế hoạch, quy hoạch, đề án, dự án phát triển.

Thứ ba, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, quản lý văn hóa của đội ngũ cán bộ chủ chốt, đặc biệt của người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội và đội ngũ cán bộ trực tiếp hoạt động trên lĩnh vực văn hóa từ Trung ương đến cơ sở.

Thứ tư, thực hiện nghiêm túc, có kết quả các nghị quyết của Trung ương về xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, nhà giáo, nhà khoa học, nhà báo... nhằm động viên, khích lệ, phát huy đến mức cao nhất tâm huyết, trí tuệ, tài năng sáng tạo của lực lượng quan trọng này trong sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa nói riêng, sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc nói chung.

Thứ năm, chăm lo nâng cao dân trí, dân khí, dân sinh, bồi dưỡng năng lực làm chủ, năng lực sáng tạo và trình độ hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Những công việc nói trên phải được tiến hành đồng bộ theo một chiến lược phát triển tổng thể gắn với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng; xây dựng, chỉnh đốn Đảng; giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc. Toàn bộ quá trình này đều hướng vào hai mục tiêu hàng đầu: phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

TỔNG QUAN NHỮNG BÀI HỌC LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY

GS.TSKH. TRẦN NGỌC THÊM

I- QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY QUA CÁC VĂN KIỆN CỦA ĐẢNG

1. Giai đoạn trước khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII)

Là sản phẩm của một dân tộc có nền văn hóa lâu đời với một truyền thống trọng văn, qua các giai đoạn lịch sử khác nhau, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn biết coi trọng văn hóa với những chủ trương, đường lối khá cụ thể phù hợp với từng giai đoạn:

Nếu như ở giai đoạn tiền khởi nghĩa, vào năm 1943, Đảng đã có *Đề cương văn hóa Việt Nam* với phương châm sáu chữ “*dân tộc - khoa học - đại chúng*” thì sau khi thống nhất đất nước, báo cáo Phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (năm 1976) đề cập đến việc “*đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá*” và “*xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa*” với tư cách là nhiệm vụ thứ tám trong số chín nhiệm vụ và mục tiêu.

Sau đổi mới, lần đầu tiên cụm từ “*nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” đã được nhắc đến trong *Cương lĩnh xây dựng*

đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng họp vào tháng 6-1991. Dấu hiệu “có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” được Cương lĩnh xem là đặc trưng thứ ba trong số sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng.

Tháng 1-1993, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã thông qua Nghị quyết số 04-NQ/HNTW về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt. Nghị quyết đã mở đầu một cách trang trọng: “Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội”¹. Nghị quyết này lại một lần nữa xác định: “Nền văn hóa mà Đảng ta lãnh đạo toàn dân xây dựng là *nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”.

Tiếp tục tinh thần này, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (họp cuối tháng 6-1996) đã đưa việc *xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* thành một trong 10 định hướng phát triển. Trên cơ sở đó, ngày 16-7-1998, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã ban hành Nghị quyết về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* với năm quan điểm chỉ đạo, mười nhiệm vụ lâu dài và những nhiệm vụ cấp bách đến năm 2000, cùng với ba nhóm giải pháp lớn cho toàn bộ quá trình. Đây là một nghị quyết chuyên đề sâu sắc và toàn diện, có ý nghĩa chiến lược lâu dài về văn hóa của Đảng ta sau Đề cương văn hóa Việt Nam năm 1943. Nghị quyết đã tạo ra một bước ngoặt trong tư duy lý luận về vai trò của văn hóa, trở thành một cương lĩnh hành động trong việc xây dựng và phát

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.52, tr.513.

triển nền văn hóa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Giai đoạn từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đến nay

Từ sau khi Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) ra đời, việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trở thành một công việc được nhắc tới khá thường xuyên trong các văn kiện của Đảng.

Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (tháng 4-2001) của Đảng dành riêng phần V (trong số 10 phần) để bàn về việc “phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, *xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”.

Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) họp tháng 7-2004, sau khi thảo luận Báo cáo và Tờ trình của Bộ Chính trị kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã ra Kết luận về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, trong đó tiến hành đánh giá những thành tựu và yếu kém, khuyết điểm bộc lộ qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), đồng thời xác định mục tiêu cùng các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu để tiếp tục xây dựng và phát triển văn hóa trong thời kỳ mới.

Trong bản bổ sung và phát triển của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (họp tháng 1-2011), sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh (1991 - 2011), sáu đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung thành tám

đặc trưng, nhưng dấu hiệu “*có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” vẫn được giữ nguyên. Trong số tám phương hướng cơ bản thì phương hướng thứ ba là “*xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội”¹.

Trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020* thông qua tại Đại hội XI của Đảng (tháng 1-2011), trong số 12 định hướng phát triển kinh tế - xã hội thì định hướng thứ bảy là “*phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hoà với phát triển kinh tế*”².

II- QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY TRÊN PHƯƠNG DIỆN LÝ LUẬN

1. Những thành tựu

Những thành tựu trên phương diện lý luận của việc xây dựng và phát triển văn hóa từ đổi mới đến nay là một quá trình được hình thành dần dần qua nhiều bước và kết tinh trong văn kiện có ý nghĩa chiến lược là Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Có ba thành tựu cơ bản như sau:

Thứ nhất là sự chuyển biến mang tính chiến lược từ quan niệm “*xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa*” của Đại hội IV (năm 1976) sang quan niệm về việc xây dựng và phát triển “*nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*” tại Đại hội VII (năm 1991) được thông qua trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.72, 124.

Thứ hai là sự hình thành quan điểm cốt lõi “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội” tại Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII, năm 1993) và hoàn thiện trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII, năm 1998).

Thứ ba là hai luận điểm trên về bản chất và về vai trò của nền văn hóa mà chúng ta xây dựng và phát triển đã trở thành bộ phận nòng cốt của hệ thống năm quan điểm chỉ đạo cơ bản trong việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trình bày trong Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII). Ba quan điểm chỉ đạo còn lại nói về tính thống nhất mà đa dạng của văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam; xác định chủ thể văn hóa (toàn dân), nhân tố lãnh đạo (Đảng), lực lượng nòng cốt (đội ngũ trí thức); và cuối cùng là cách thức thực hiện (văn hóa là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng). Hệ thống năm quan điểm chỉ đạo cơ bản này chính là thành tựu lý luận quan trọng thứ ba.

2. Những hạn chế

Nghiên cứu các văn kiện của Đảng từ sau đổi mới đến nay, có thể thấy hệ thống lý luận trong việc xây dựng và phát triển văn hóa của chúng ta còn chứa đựng bốn hạn chế sau:

a) Hạn chế lớn nhất về lý luận là việc khái niệm nền tảng “văn hóa” được sử dụng trong các văn kiện còn thiên về cảm tính, thiếu một cách hiểu mang tính hệ thống nhất quán

Thống kê trên 23 văn kiện đại hội và các nghị quyết cơ bản của Đảng tính từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 đến nay có tất cả 463 lượt từ “văn hóa” được sử dụng, nhưng với nhiều nghĩa khác nhau, trong đó nổi bật là năm nghĩa sau:

- “Văn hóa₁”: Là hệ thống các giá trị do con người sáng tạo ra trong lịch sử (nghĩa rộng nhất). Ví dụ: “*nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”, “*văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội*”, “*văn hóa Việt Nam*”, “*văn hóa các dân tộc thiểu số*”, “*bảo vệ những giá trị văn hóa của dân tộc*”, v.v..

- “Văn hóa₂”: Là một thành tố của “văn hóa₁”, chỉ lĩnh vực giáo dục, khoa học. Ví dụ: “*trình độ văn hóa và nghề nghiệp*”, “*thường xuyên nâng cao trình độ phổ cập văn hóa*”, v.v..

- “Văn hóa₃”: Là một thành tố của “văn hóa₁”, chỉ phần giá trị tinh thần tinh hoa của nó, bao gồm cả văn học, nghệ thuật. Ví dụ: “*nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân*”, “*văn hóa, xã hội có những tiến bộ*”, “*di tích lịch sử và văn hóa*”¹, v.v..

- “Văn hóa₄”: Là một bộ phận của “văn hóa₃”, chỉ phần giá trị tinh thần tinh hoa của nó, không bao gồm văn học, nghệ thuật (do vậy mà “văn hóa” thường đi kèm với “văn nghệ” hoặc các khái niệm khác tương đương). Ví dụ: “*gia đình văn hóa*”, “*môi trường văn hóa*”, “*lối sống văn hóa*”, “*đời sống văn hóa*”; “*nhiệm vụ của văn hóa, văn nghệ*”, “*đường lối văn hóa, văn nghệ*”, “*công tác quản lý báo chí, văn hóa, xuất bản*”, “*quản lý nhà nước đối với các hoạt động khoa học và công nghệ, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái, giáo dục, đào tạo, thông tin, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ*”, v.v..

- “Văn hóa₅”: Là lĩnh vực quản lý nhà nước. Ví dụ: “*một số hoạt động văn hóa được tổ chức trên quy mô cả nước*”, “*đội ngũ văn nghệ sĩ và cán bộ văn hóa gồm nhiều lớp kế tiếp nhau*”,

1. Trong trường hợp này, cái được bảo tồn để tạo thành di tích là những di sản vật chất, nhưng cái làm nên giá trị của những di sản vật chất đó chính là phần tinh hoa về tinh thần. Do vậy, tách ra thành một nghĩa riêng cũng được mà nếu đặt vào nghĩa “văn hóa₃” cũng không sai. Ở đây, chúng tôi gộp vào cùng với “văn hóa₃” cho gọn.

“tàng đầu tư cho văn hóa”, “mạng lưới văn hóa cơ sở”, “sản phẩm văn hóa”, “dịch vụ văn hóa”, v.v..

Tóm lại, khái niệm “văn hóa” hiện được sử dụng trong các văn kiện của Đảng theo năm nghĩa chính như sau:

- Là hệ thống các giá trị do con người sáng tạo ra trong lịch sử (nghĩa rộng nhất) (gọi là nghĩa 1);
- Là một thành tố của “văn hóa₁”, chỉ lĩnh vực giáo dục, khoa học (gọi là nghĩa 2);
- Là một thành tố của “văn hóa₁”, chỉ phần giá trị tinh thần tinh hoa của nó, bao gồm cả văn học, nghệ thuật (gọi là nghĩa 3);
- Là một bộ phận của “văn hóa₃”, chỉ phần giá trị tinh thần tinh hoa của nó, không bao gồm văn học, nghệ thuật (gọi là nghĩa 4);
- Là lĩnh vực quản lý nhà nước (gọi là nghĩa 5).

b) Hạn chế thứ hai về mặt lý luận là các văn kiện của Đảng để cập đến vấn đề văn hóa từ đổi mới đến nay chưa dựng một số mâu thuẫn

Trong đó phổ biến hơn cả là loại mâu thuẫn do đã sử dụng cùng lúc khái niệm “văn hóa” theo nhiều nghĩa khác nhau (hệ quả của hạn chế thứ nhất): Trong cùng một văn kiện, thậm chí cùng một câu, khái niệm “văn hóa” được dùng đối lập với một thành tố bộ phận của chính mình: *“Những thành tựu và tiến bộ đạt được trong lĩnh vực văn hóa còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống”¹*. Trong những câu liên kế nhau ở cùng một văn kiện, khái niệm

1. Kết luận số 30-KL/TW, ngày 20-7-2004 Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX “về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII”. (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 2001-2004*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.239.

“văn hóa” cũng thường được dùng theo những nghĩa khác nhau. Trong hai câu: “*Xây dựng văn hóa là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Có chính sách đầu tư thích đáng cho văn hóa, văn nghệ*”¹ có hai từ “văn hóa” thì từ “văn hóa” thứ nhất dùng theo nghĩa 1 (nghĩa rộng nhất), từ “văn hóa” thứ hai dùng theo nghĩa 4 (chỉ phần giá trị tinh thần tinh hoa, không bao gồm văn học, nghệ thuật). Trong hai câu của Nghị quyết Trung ương 10 (khóa IX): “*Chú trọng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nhất là cộng đồng dân cư, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tốt đẹp, phong phú. Thường xuyên nâng cao trình độ phổ cập văn hóa đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao và đa dạng của các tầng lớp nhân dân đi đôi với nhiệm vụ bồi dưỡng các tài năng văn hóa, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tạo được nhiều công trình văn hóa - nghệ thuật tiêu biểu có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật*”² có bốn từ “văn hóa” thì từ “văn hóa” thứ nhất dùng theo nghĩa 5 (chỉ lĩnh vực quản lý nhà nước); từ “văn hóa” thứ hai và thứ tư dùng theo nghĩa 4 (chỉ phần giá trị tinh thần tinh hoa, không bao gồm văn học, nghệ thuật); từ “văn hóa” thứ ba dùng theo nghĩa 2 (chỉ lĩnh vực giáo dục, khoa học). Cùng với một số lĩnh vực khác (như giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ), “văn hóa” có lúc được đặt ở ngoài nhiệm vụ xây dựng văn hóa (như ở phần V của Báo cáo chính trị tại Đại hội IX), có lúc lại được đặt ở trong (như ở nhiệm vụ thứ năm của Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII).

Loại mâu thuẫn thứ hai là mâu thuẫn logic. Khi giải thích khái niệm “tiên tiến” trong quan điểm chỉ đạo “nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.113.

2. Kết luận số 30-KL/TW, ngày 20-7-2004 Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, *Sdd*, tr.244.

sắc dân tộc”, Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đã viết: “*Tiến tiến* là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên”¹. Nghị quyết đã giải thích về khái niệm “bản sắc dân tộc” như sau: “*Bản sắc dân tộc* bao gồm những giá trị bền vững... của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc...”².

Ở đây có hai mâu thuẫn bộ phận: *Thứ nhất là*, cùng một nội dung “yêu nước” đã được dùng làm nội hàm cho hai khái niệm ngược nhau (“đậm đà bản sắc dân tộc” là bảo tồn truyền thống, còn “tiến tiến” là phát triển thêm những giá trị tinh hoa mới). Cách lý giải của một số nhà nghiên cứu về tính chất “tiến tiến” của yêu nước, chủ nghĩa yêu nước chưa thực sự đủ sức thuyết phục³. *Thứ hai là*, việc khẳng định “mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên” là “chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” với

1, 2. Đảng Cộng sản Việt nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Sdd, tr.55, 56.

3. Xem thêm các tài liệu: Phạm Đức Huy: “Đánh giá năm quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII)”, tạp chí *Thông tin Khoa học chính trị - hành chính*, số 4, 2003, tr.73-80; Đỗ Huy, Nguyễn Thu Nghĩa: “Mấy vấn đề lý luận về văn hóa trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) sau 15 năm đi vào cuộc sống”, tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 2, 2013, tr.3-11.

hàm ý đây là nội hàm của khái niệm “tiên tiến” sẽ dẫn đến ba điều bất ổn:

- Mục tiêu “tất cả vì con người... giữa xã hội và tự nhiên” trình bày như trên đã thực sự phản ánh được đầy đủ nội hàm cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà chúng ta đang xây dựng hay chưa?

- Nếu phản ánh được, thì nhiều nội dung mà chúng ta đang phấn đấu xây dựng ấy về cơ bản đã và đang được hiện thực hóa ở một số quốc gia tổ chức theo kiểu dân chủ - xã hội ở Bắc Âu, mà đó lại là các quốc gia tư bản?

- “Chủ nghĩa xã hội” là một mô hình dự báo khoa học, mà khoa học, nhất là các mô hình dự báo, không bao giờ là những tín điều xơ cứng mà luôn là những tư tưởng sống động, nó phải luôn được bổ sung, điều chỉnh và phát triển theo thời gian và không gian. Nhưng nếu vậy thì “chủ nghĩa Mác - Lênin” không thể xem là nội hàm bất biến của khái niệm “chủ nghĩa xã hội” được, đó chỉ là một mô hình ban đầu của chủ nghĩa xã hội, một công cụ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn đầu.

Các khái niệm “chủ nghĩa Mác - Lênin”, “triết học Mác - Lênin” được tạo ra dưới thời Stalin. Chúng được tạo ra theo cách phương Tây (giống như chủ nghĩa Đacuyn (*Darwinism*), triết học Đêcátơ (*Descartes' philosophy*), nhưng chủ nghĩa Đacuyn, triết học Đêcátơ sử dụng theo cách phương Tây sẽ được hiểu là những tư tưởng do các nhà khoa học này đề xuất trong một giai đoạn lịch sử cụ thể với tất cả những thành công và hạn chế của chúng. Còn các khái niệm “chủ nghĩa Mác - Lênin”, “triết học Mác - Lênin” thì, do yêu cầu của thực tiễn cách mạng vô sản, tuy được tạo ra theo cách phương Tây, nhưng lại được sử dụng theo cách phương Đông (có lúc được “thần thánh hóa” thành những chân lý tuyệt đối, đúng vĩnh viễn cho mọi không gian, mọi thời gian). Thực tiễn cuộc sống cũng như chính lý luận biện chứng duy vật của Mác - Ăngghen dạy rằng

không có tư tưởng khoa học nào là bất biến, không thể bổ sung, phát triển.

Các tư tưởng của C. Mác, V.I. Lênin là vĩ đại, nhưng không có nghĩa là không sai. Perry R. Anderson, giáo sư Trường Đại học California (UCLA), tác giả nhiều công trình nghiên cứu về chủ nghĩa Mác, trong lời bạt cuốn sách *Suy nghĩ về chủ nghĩa Mác phương Tây* (*Reflections on Western Marxism*, 1976) đã nhận định: “Sự vĩ đại của những đóng góp của Mác thì không cần phải có thêm bằng chứng nào nữa. Tuy nhiên, bản thân quy mô tầm nhìn tổng thể về tương lai theo một nghĩa nhất định đã dẫn đến một số ảo tưởng và sự thiếu cận của ông trong việc phân tích thời đại mà ông sống... Có thể nói rằng, bằng những sai lầm và thiếu sót, ông đã trả giá cho tầm nhìn xa của mình. Chỉ có sự hiểu biết một cách khoa học tổng thể về lịch sử của chủ nghĩa tư bản mà chúng ta đang có bây giờ..., mới có thể cho phép chủ nghĩa duy vật lịch sử của ngày hôm nay vượt qua chúng”¹.

Sau C. Mác và V.I. Lênin, “chủ nghĩa xã hội” trên thực tế đã có sự bổ sung về lý luận của Stalin ở Nga, về tư tưởng của Mao Trạch Đông ở Trung Quốc, của Hồ Chí Minh ở Việt Nam; bên cạnh đó không thể không nhắc đến một nhánh khác là chủ nghĩa Mác ở phương Tây (*Western Marxism*)... - đó là những sự bổ sung, điều chỉnh và cụ thể hóa theo cả thời gian lẫn không gian cần được xem xét, nghiên cứu một cách nghiêm túc và khoa học.

Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, các quốc gia xã hội chủ nghĩa còn lại đã “tự cứu mình”, mỗi nước theo một cách khác nhau: Bắc Triều Tiên và

1. Perry R. Anderson: *Reflections on Western Marxism*, 1976 (dẫn theo bản tiếng Nga), <http://www.sovetsky.narod.ru/cp/books/consider.htm>.

Trung Quốc thì có xu hướng nhấn mạnh đến tính dân tộc (tư tưởng Kim Nhật Thành; lý luận của Đặng Tiểu Bình và các nhà lãnh đạo sau Đặng với khái niệm “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc”).

Ở Việt Nam, sau đổi mới, trên lĩnh vực kinh tế, chúng ta đã chấp nhận cơ chế thị trường, sở hữu tư nhân... là những điều chưa có trong chủ nghĩa Mác kinh điển. Do vậy, trên lĩnh vực xây dựng văn hóa, cũng nên có cái nhìn mềm hơn, thoáng hơn. Việc tiếp tục giới hạn một cách thái quá nội dung “chủ nghĩa xã hội” (với tư cách là mục tiêu) trong một số tên tuổi quá cụ thể (với tư cách là phương tiện) là một ứng xử “không giống ai”.

Nói “không giống ai”, là vì yêu cầu khoa học thì không có; tình huống bắt buộc phải thể hiện “lòng trung thành” (sự tồn tại của “phe xã hội chủ nghĩa”) thì không còn; tính thực tiễn trong mong muốn hội nhập thì đòi hỏi điều ngược lại. Sự xơ cứng và giáo điều này dường như là sản phẩm nỗi sợ cố hữu của văn hóa Việt Nam (sẽ được nói đến ở phần kết), càng để lâu càng làm giảm đi sức mạnh biện chứng của lý luận, làm tầm thường hóa chủ nghĩa Mác - Lênin, làm tổn hại tới uy tín của các lãnh tụ, gây thêm khó khăn không đáng có cho chúng ta trong việc hội nhập.

c) Hạn chế lớn thứ ba về mặt lý luận là trong khi nội dung quan trọng nhất của xây dựng văn hóa là xây dựng con người thì mô hình con người lại chưa được nghiên cứu và phát triển một cách hoàn thiện

Con người Việt Nam của xã hội công nghiệp hóa, toàn cầu hóa và hội nhập phải mang được những giá trị của bản sắc văn hóa Việt Nam truyền thống phối hợp với những phẩm chất tinh hoa của văn hóa công nghiệp và đô thị. Trong khi đó thì đến nay, các văn kiện chính thức của chúng ta vẫn dừng lại ở *năm đặc trưng* của bản sắc dân tộc nêu trong quan điểm chỉ đạo cơ

bản thứ hai của Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII)¹ và mô hình con người mới với *năm đức tính* nêu trong nhiệm vụ cụ thể số một của Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII)². Các đặc trưng và các đức tính này còn dừng lại ở mức cảm tính hơn là dựa trên một cơ sở nghiên cứu khoa học và sự kết nối, phát triển một cách hợp lý. Hạn chế này đã được ghi nhận trong *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020* (Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 6-5-2009): “Nghiên cứu lý luận còn thiếu khả năng dự báo và định hướng; chưa làm rõ nhiều vấn đề có liên quan đến văn hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong việc xác định những giá trị truyền thống cũng như hệ giá trị mới cần xây dựng, trong việc xử lý các mối quan hệ giữa truyền thống và hiện đại, dân tộc và quốc tế, bảo tồn và phát triển, văn hóa và kinh tế...”.

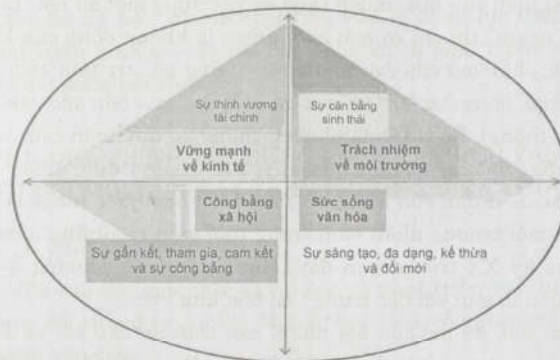
1. Năm đặc trưng bản sắc đó là: (1) Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; (2) Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; (3) Lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; (4) Đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; (5) Sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Sdd, tr.56.

2. Năm đức tính đó là: (1) Có tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc, phấn đấu vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có ý chí vươn lên đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, đoàn kết với nhân dân thế giới trong sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; (2) Có ý thức tập thể, đoàn kết, phấn đấu vì lợi ích chung; (3) Có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm, trung thực, nhân nghĩa, tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước của cộng đồng; có ý thức bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái; (4) Lao động chăm chỉ với lương tâm nghề nghiệp, có kỹ thuật, sáng tạo, năng suất cao vì lợi ích của bản thân, gia đình, tập thể và xã hội; (5) Thường xuyên học tập, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn, trình độ thẩm mỹ và thể lực. (Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Sdd, tr.58, 59.

d) Do chưa chú ý đến việc xác lập cách hiểu khái niệm “văn hóa” một cách khoa học, nên hệ thống lý luận trong việc xây dựng và phát triển văn hóa của chúng ta cũng thiếu hẳn một khung lý thuyết hợp lý và hữu hiệu

Xã hội mới mà chúng ta đang xây dựng dựa trên mấy trụ cột? “Văn hóa” - cái khái niệm quan trọng ấy - đứng ở đâu trong số các trụ cột này? Cấu trúc của nó nhìn từ bên ngoài và bên trong như thế nào?

Nhìn từ bên ngoài, trong các văn kiện của chúng ta, không có một quan niệm cố định nào về các trụ cột của một xã hội phát triển bền vững. “Văn hóa” có thể gặp trong nhiều kết hợp khác nhau: “kinh tế - văn hóa”, “kinh tế - văn hóa - xã hội”, “kinh tế - văn hóa - chính trị”, “kinh tế - văn hóa - giáo dục, khoa học - an ninh, quốc phòng”, v.v.. Trong khi một quan niệm hợp lý về bốn trụ cột của phát triển bền vững gồm kinh tế, môi trường, xã hội (hoặc chính trị) và văn hóa đã được UNESCO thừa nhận thì trong các văn kiện quan trọng của Đảng ta lại gần như vắng bóng.



Bốn trụ cột của phát triển bền vững đã được UNESCO thừa nhận

Nhìn từ bên trong thì cấu trúc văn hóa lại càng lộn xộn: Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) đánh giá thực trạng văn hóa nước ta theo các thành tố: *tư tưởng, đạo đức và lối sống; giáo dục, khoa học; văn học, nghệ thuật; thông tin đại chúng; giao lưu văn hóa với nước ngoài; thể chế văn hóa; thiết chế văn hóa*, nghĩa là “giao cho” văn hóa ôm đồm đủ mọi thứ. Văn hóa theo nghĩa rộng liên quan đến tất cả mọi thứ do con người sáng tạo ra trong lịch sử, nhưng không thể là một phép cộng cơ giới của nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Những bài học

Những thành tựu và hạn chế về lý luận trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa từ khi đổi mới đến nay cho phép ta rút ra ba bài học cơ bản sau:

Thứ nhất, thành tựu quan trọng nhất là sự chuyển biến mang tính chiến lược từ quan niệm “xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa” sang quan niệm xây dựng và phát triển “nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” cho ta bài học là trong thời đại toàn cầu hoá, muốn thực sự xây dựng một xã hội “tất cả vì con người” thì chỉ có một con đường là không đóng cửa khép kín mà phải mở cửa *hội nhập* với những giá trị tiên tiến của nhân loại, cùng lúc “trở về” với dân tộc (giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống). Đó chính là phương châm “*tư duy toàn cầu, hành động địa phương*” (*Think globally, act locally*) được nhắc đến trên các diễn đàn của nhiều tổ chức Liên hợp quốc (nhất là khi bàn về môi trường nhân văn) trong thời gian từ những năm 70 của thế kỷ XX trở lại gần đây. Hành động địa phương ở đây được hiểu là gắn với đặc trưng văn hóa khu vực.

Thứ hai, để mở cửa hội nhập, cần thực sự *cầu thị và khoa học trong tư duy*, tránh căn bệnh giáo điều với việc lạm dụng các sáo ngữ đao to búa lớn. Việc lạm dụng các khái niệm quan

trọng và các tên tuổi thiêng liêng (sử dụng không đúng lúc, đúng chỗ) sẽ chỉ khiến cho các khái niệm quan trọng trở nên nhàm, các tên tuổi thiêng liêng bị giảm mất uy tín, bạn bè bên ngoài và dân chúng bên trong trở nên giảm sút niềm tin.

Thứ ba, để biến những tư tưởng chỉ đạo đúng đắn trở thành hiện thực, không thể dừng lại, bằng lòng với những nhận xét cảm tính của lối ứng xử làng xã, những hiểu biết hời hợt, nông cạn của tầm nhìn tiểu nông, những tư tưởng chấp vá thiếu hệ thống của một dân tộc có truyền thống trọng văn chương, thơ phú. Trong trường hợp đang xét, cần xác định được một quan niệm đầy đủ về khái niệm “văn hóa”, một cấu trúc hợp lý về vị trí và các thành tố của văn hóa, một hệ giá trị thích hợp để phát huy được những điểm mạnh và hạn chế những thói hư tật xấu, chọn lọc tiếp nhận đúng những phẩm chất của một nền văn hóa công nghiệp - đô thị mà người Việt Nam còn thiếu để rồi, trên cơ sở đó, xây dựng được một khung lý thuyết khoa học, sâu sắc, không mâu thuẫn và mang tính hệ thống cao.

Chỉ trên một nền tảng lý luận như vậy, chúng ta mới có thể xây dựng và phát triển được một nền văn hóa làm nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nói riêng và sự phát triển bền vững của đất nước nói chung.

III- QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TỪ ĐỔI MỚI ĐẾN NAY TRÊN PHƯƠNG DIỆN THỰC TIỄN

1. Những thành tựu

Từ sau đổi mới, việc xây dựng và phát triển văn hóa ở Việt Nam đã thu được nhiều thành tựu, mà rõ rệt nhất là năm thành tựu sau:

Thứ nhất, nhận thức về văn hóa, giá trị của truyền thống

hóa và giá trị của di sản văn hóa trong toàn xã hội ngày càng được nâng cao.

Thứ hai, văn hóa truyền thống tốt đẹp được phục hưng và phát huy giá trị. Nhiều đền chùa, miếu mạo được phục dựng, tu bổ. Nhiều tư liệu quý từ kho tàng văn hóa bác học Việt Nam và văn hóa dân gian các dân tộc, đặc biệt là văn hóa các dân tộc thiểu số được sưu tầm, tư liệu hóa và công bố. Có nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được UNESCO công nhận.

Thứ ba, nhiều giá trị văn hóa mới đang hình thành. Một số công trình kiến trúc, điêu khắc mới với vốn đầu tư của Nhà nước và tư nhân được xây dựng. Nhiều tác phẩm nghệ thuật, văn học có giá trị ra đời. Phim ảnh, văn hóa nghe nhìn, văn hóa đại chúng có bước tiến vượt bậc. Thị trường sách, báo và văn hóa phẩm sôi động và đa dạng. Văn hóa mạng hình thành và phát triển nhanh chóng, góp phần tích cực vào quá trình dân chủ hóa xã hội.

Thứ tư, việc giảng dạy văn hóa truyền thống (với môn học Cơ sở văn hóa Việt Nam) được đưa vào toàn bộ hệ thống các trường đại học và cao đẳng. Việc nghiên cứu văn hóa phát triển cả về lượng lẫn về chất.

Thứ năm, nhờ công cuộc đổi mới và hội nhập mà Việt Nam có nhiều cơ hội tiếp xúc rộng rãi hơn với văn hóa thế giới và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời giới thiệu với nhân dân các nước những giá trị tốt đẹp, độc đáo của văn hóa Việt Nam.

2. Những hạn chế

Có thể nhận thấy tám hạn chế cơ bản sau:

Thứ nhất, chức năng quan trọng nhất của văn hóa là xây dựng con người, trong trường hợp cụ thể này là việc xây dựng con người Việt Nam mới chưa đạt được. Con người Việt Nam

mới phải phát huy được những tinh hoa và hạn chế được những thói hư tật xấu hình thành từ trong văn hóa truyền thống; chọn lọc để tiếp nhận được đúng những phẩm chất phù hợp với thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hóa mà người Việt Nam còn thiếu.

Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) đã coi việc “kiên quyết loại bỏ những phần tử thoái hóa biến chất về đạo đức ra khỏi tổ chức đảng và cơ quan nhà nước; nghiêm trị bọn tội phạm” cũng như “ngăn chặn và đẩy lùi các hoạt động phản văn hóa, các sản phẩm văn hóa độc hại” là nhiệm vụ cấp bách mà đến năm 2000 phải giải quyết xong. Thế nhưng, sau đó gần 5 năm (2004), tình trạng này đã không những không giảm đi, mà còn gia tăng. Điều này được thể hiện trong kết luận Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX): Sự suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống tiếp tục diễn biến phức tạp, có một số mặt nghiêm trọng hơn, tổn hại không nhỏ đến uy tín của Đảng và Nhà nước, niềm tin của nhân dân.

Đến nay, sự xuống cấp về tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận xã hội gây ảnh hưởng rất xấu đến đời sống tinh thần, môi trường văn hóa lành mạnh. Lối sống ích kỷ, lừa lọc; hiện tượng càn quấy, coi thường luật pháp, làm mất an toàn xã hội; nạn bạo hành trong gia đình, trường học,... cách ứng xử thiếu văn hóa nơi công cộng; căn bệnh “vô cảm” đối với nỗi đau của con người đang ngày càng lan rộng. Tệ tham nhũng, hối lộ, sách nhiễu dân; nạn chạy chức, chạy quyền, hình thành các nhóm lợi ích, gây mất đoàn kết nội bộ của một bộ phận không nhỏ cán bộ có chức quyền đang làm nhức nhối dư luận xã hội. Những vụ việc lớn, nhỏ xảy ra trong những năm gần đây đã gây hoang mang dư luận, gây sụt giảm nghiêm trọng lòng tin của nhân dân.

Thứ hai, nhiều cơ sở dịch vụ văn hóa mở tràn lan, chạy theo lợi nhuận, hoạt động biến tướng, trá hình, trở thành nơi chứa chấp mại dâm, tổ chức in sao băng đĩa lậu và các sản phẩm đi

ngược lại với thuần phong mỹ tục... Một số sản phẩm văn hóa chất lượng kém được phát hành, truyền bá.

Thứ ba, việc phục hồi và phát huy văn hóa truyền thống phần nhiều mang tính tự phát, tính phong trào; chưa khai thác và phát huy được nhiều những giá trị tốt đẹp của văn hóa truyền thống. Có những trường hợp thậm chí còn xâm hại nghiêm trọng các di sản văn hóa cổ (thành Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội; thành cổ Luy Lâu, Bắc Ninh; chùa Chân Long, Thạch Thất, Hà Nội; chùa Trăm Gian, Chương Mỹ, Hà Nội...) khiến cho các di sản văn hóa đang đứng trước nhiều thách thức; chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển.

Thứ tư, tệ nạn mê tín dị đoan có chiều hướng gia tăng; việc bói toán, cầu cúng, xin lộc... lan rộng cả trong đội ngũ cán bộ, công chức. Ấn theo tệ nạn này, hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tâm linh, ngoại cảm để trục lợi ngày càng lan tràn...

Thứ năm, do quản lý thiếu chặt chẽ, phối hợp chưa đồng bộ và thường xuyên nên những sản phẩm văn hóa nước ngoài không phù hợp với truyền thống đạo đức, văn hóa của dân tộc, thậm chí độc hại, xâm nhập vào nước ta với số lượng khá lớn, làm xói mòn đạo đức, lối sống, ảnh hưởng xấu đến truyền thống văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Một số công trình văn hóa và khu vui chơi giải trí mới xây dựng chịu ảnh hưởng khá nặng của phong cách văn hóa nước ngoài hoặc được sáng tạo một cách tùy tiện đến mức kệch cỡm.

Thứ sáu, nhiều hoạt động xây dựng đời sống văn hóa mắc bệnh hình thức, bệnh phong trào, chạy theo thành tích, chưa thực sự tôn trọng dân, dựa vào dân, khiến cho những việc như phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng, bản, khu phố văn hóa; làm nhà định cư hoặc làm lại nhà sàn cho đồng bào các dân tộc thiểu số... nhiều khi gây phản tác dụng, tốn kém, lãng phí.

Thứ bảy, việc thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, xây dựng các văn bản pháp quy về văn hóa còn thiếu đồng bộ; tuy ban hành được nhiều luật mang tính nghiệp vụ (như *Luật di sản*, *Luật báo chí*, *Luật xuất bản*, *Luật sở hữu trí tuệ*, *Luật điện ảnh*...) nhưng không có một luật nào quy định về vấn đề quan trọng nhất là xây dựng con người. Nhiều văn bản dưới luật chứa đựng những quy định không hợp lý, gây phản ứng trong dư luận; nhiều văn bản pháp luật về văn hóa chưa đi được vào cuộc sống; nhiều quy định về các nghi thức quá tiểu tiết, thiếu tính khả thi, không có hiệu lực pháp lý trong khi có những việc thực sự cần quy định thì không làm...

Thứ tám, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* chưa thật hợp lý. Trong khi tuyên bố coi văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, động lực và mục tiêu của phát triển và giao cho lĩnh vực phát triển văn hóa một phạm vi quá rộng (bao gồm cả giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, thông tin, thể dục - thể thao, du lịch...), thì hầu như toàn bộ công việc được giao về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao chủ trì xây dựng *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020* theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 6-5-2009). Nhưng do Bộ vốn chỉ quen những công việc mang tính nghiệp vụ mà người trong ngành gọi là “cờ - đèn - kèn - trống” nên Chiến lược kết cục cũng chỉ là một phép cộng của những công việc nghiệp vụ quen thuộc.

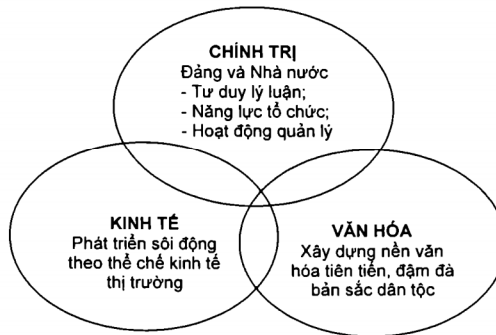
Đánh giá tổng thể, Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và kết quả ba năm thực hiện Kế hoạch 5 năm 2011 - 2015 do Thủ tướng Chính phủ trình bày tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII, ngày 21-10-2013, đã nhận định: “*Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân*

tộc chưa đạt yêu cầu; tác động của mặt trái cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế chưa được ngăn chặn có hiệu quả; nhiều biểu hiện xấu về đạo đức, lối sống gây bức xúc trong xã hội”.

3. Những bài học

Trên phương diện thực tiễn, quá trình xây dựng và phát triển văn hóa từ đổi mới đến nay cho phép ta rút ra bốn bài học cơ bản sau:

Thứ nhất, những thành tựu và hạn chế trên phương diện thực tiễn là kết quả sự *đổi mới và gắn kết* giữa tư duy lý luận, năng lực tổ chức và hoạt động quản lý của *Đảng và Nhà nước* (thành tố chính trị) với thực tiễn phát triển nhanh chóng, sôi động, đa dạng của *xã hội Việt Nam* theo thể chế kinh tế thị trường (thành tố kinh tế) và quyết tâm xây dựng nền *văn hóa Việt Nam* tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (thành tố văn hóa). Nền *văn hóa* này đóng một vai trò quan trọng trong việc đưa *kinh tế thị trường* đi theo *định hướng xã hội chủ nghĩa* dưới sự lãnh đạo của *Đảng*.



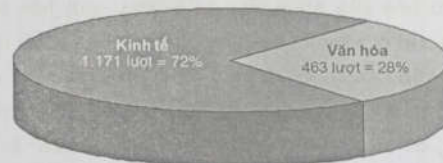
Quan hệ bộ ba “chính trị - kinh tế - văn hóa”

Thứ hai, thực tiễn những năm qua cho thấy, trong mối quan hệ bộ ba này, việc xây dựng văn hóa chưa được thực hiện đúng với trách nhiệm và vai trò mà nó đảm nhận. Nói như Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 (khóa IX) rằng: “sự phát triển của văn hóa chưa đồng bộ và tương xứng với tăng trưởng kinh tế” là đúng, nhưng mới chỉ nêu lên một chiều sự yếu kém của văn hóa mà chưa nêu lên hết được những mối quan hệ phức tạp trong bộ ba đó.

Quan hệ giữa kinh tế và văn hóa thực tế là một quan hệ biện chứng hai chiều, không chỉ kinh tế quyết định văn hóa, mà ngược lại, đến lượt mình, văn hóa cũng định hướng và chi phối kinh tế. Kinh tế có vai trò tiên quyết trong sự phát triển của xã hội nhưng đồng thời văn hóa cũng luôn đóng vai trò là nền tảng tinh thần cho sự phát triển, như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Vì sao không nói phát triển văn hóa và kinh tế? Tục ngữ ta có câu: Có thực mới vực được đạo; vì thế kinh tế phải đi trước (...) phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ta”¹. Xưa, văn hóa trọng tình cảm, thơ ca, thì con người hài lòng với một nền kinh tế ổn định, đủ ăn; nay, văn hóa trọng sự giàu có, trọng đồng tiền - chính sự thay đổi giá trị ấy đã tạo nền cho kinh tế bứt phá để phát triển. Thế nhưng, do sự sát sườn của “cơm áo gạo tiền” mà trong ý thức của mọi người, kinh tế thường được coi trọng hơn văn hóa. Nói khác đi, chính là thực tiễn và nhận thức không tương xứng với nhau.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.470.

*Quan hệ giữa chính trị với kinh tế và văn hóa cũng có tình trạng như vậy. Trong nhận thức, một mặt do áp lực những hệ quả phức tạp của việc mở cửa và tiếp nhận kinh tế thị trường những năm 1986 - 1996; mặt khác, do tác động của những hồi chuông do Liên hợp quốc gióng lên trong cùng thời gian này về vai trò của văn hóa mà Đảng ta đã nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa để đưa ra một chủ trương đúng đắn là *kết hợp hài hòa* giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa. Tuy nhiên, do kinh tế thì sát sườn còn văn hóa thì có vẻ “xa xôi”; kinh tế thì cụ thể rõ ràng còn văn hóa thì vừa rộng vừa trừu tượng, cho nên, *trên thực tế Đảng vẫn coi trọng đến phát triển kinh tế hơn*. Trong 23 văn kiện cơ bản của Đảng tính từ *Cương lĩnh năm 1991* đến nay, trong khi từ “văn hóa” được sử dụng 463 lượt, chiếm 28%, thì từ “kinh tế” được sử dụng tới 1.171 lượt, chiếm 72%, nhiều hơn “văn hóa” gấp trên 2,5 lần. Từ đó dễ hiểu vì sao *mọi nguồn không chỉ vật lực mà cả nhân lực, tài lực cũng chủ yếu được tập trung cho việc phát triển kinh tế*.*



Tương quan giữa sự xuất hiện của từ “kinh tế” và từ “văn hóa” trong các văn kiện của Đảng từ Cương lĩnh năm 1991 đến nay

Thứ ba, văn hóa thường chỉ được người ta nhắc đến trong hai trường hợp: hoặc là khi đã dư thừa, “no cơm ấm cật”; hoặc là

khi rơi vào trạng thái hoang mang mất phương hướng, cần tìm một chỗ dựa tinh thần. Nhưng đó không phải là toàn bộ văn hóa mà chỉ là hai thành tố của nó: trường hợp thứ nhất là *nghệ thuật*, trường hợp thứ hai là *tôn giáo*.

Còn cái văn hóa hằng ngày, văn hóa thể hiện qua *tư tưởng, đạo đức, lối sống, phẩm chất, tính cách* con người thì, giống như không khí, ít ai để ý đến sự có mặt của nó. Nhưng chính cái văn hóa này mới là văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc làm nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Sự “chưa đạt yêu cầu” trong nhận định ở Báo cáo của Chính phủ do Thủ tướng Chính phủ trình bày tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIII (ngày 21-10-2013) về việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chủ yếu chính là chưa đạt yêu cầu ở thành tố văn hóa này. Một khi tư tưởng, đạo đức, lối sống, phẩm chất, tính cách... lệch lạc thì chúng sẽ phá vỡ tất cả. Nguồn gốc của tham nhũng, hối lộ, móc ngoặc là từ đây. Suy giảm lòng tin là từ đây. Mà xây dựng cái “văn hóa” này thì vô cùng phức tạp và khó khăn. Bởi vì nó không hiện hữu trên bề mặt mà nằm dưới tầng sâu. Sự “chưa đạt yêu cầu” trong phẩm chất, tính cách người Việt hiện nay là kết quả kết hợp từ *những thói hư tật xấu của người Việt có nguồn gốc từ trong quá khứ* của một nền văn hóa tiểu nông khép kín trong làng xã với *những mặt trái của hội nhập kinh tế, kinh tế thị trường* (như chủ nghĩa thực dụng). Nó có đất phát triển là do *luật pháp không nghiêm, buông lỏng quản lý, năng lực tổ chức kém*.

Thứ tư, nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chỉ có thể được xây dựng với *ít nhất hai điều kiện*:

- *Xác định được một hệ giá trị Việt Nam cho hiện tại và tương lai*. Ý tưởng về một hệ giá trị như vậy đã được đề cập

đến trong Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng: “*Hình thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội mới phù hợp với truyền thống, bản sắc dân tộc và yêu cầu của thời đại*”¹. Nó chỉ có thể hình thành trên cơ sở nghiên cứu kỹ những cái được và chưa được trong hệ giá trị Việt Nam truyền thống kết hợp với những cái được và chưa được trong những hệ giá trị mà công cuộc hội nhập và toàn cầu hóa đang đưa vào.

- Việc đưa hệ giá trị đó vào cuộc sống phải do một tổ chức siêu bộ (được thành lập bởi cơ quan quyền lực cao nhất) chủ trì thực hiện, bởi lẽ chỉ có một tổ chức như thế với quyết tâm cao mới có thể khắc phục được những tệ nạn như luật pháp không nghiêm, buông lỏng quản lý, năng lực tổ chức kém... tạo môi trường lành mạnh cho những phẩm chất tinh hoa của truyền thống có điều kiện phát triển; những phẩm chất mới, tiến bộ có điều kiện hình thành và củng cố.

IV- KẾT LUẬN

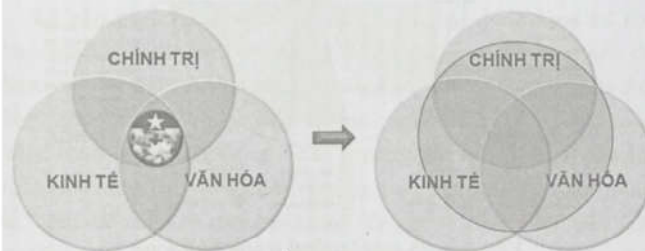
Thời gian qua, Đảng ta đã rất dững cảm trong việc *thừa nhận các khuyết điểm của mình*. Vì vậy, việc “sửa sai” trong xây dựng và phát triển một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là việc có thể làm được.

Để làm được, cần có các điều kiện cần và đủ sau:

- Điều kiện cần là điều kiện về *lượng*: Bài học của mọi bài học là chỉ khi nào *cái vòng tròn nằm giữa* - nơi giao nhau của bộ ba khái niệm “chính trị - kinh tế - văn hóa” *thực sự đủ lớn trên cả lý luận lẫn thực tiễn, nhận thức và hành động* thì khi đó mới

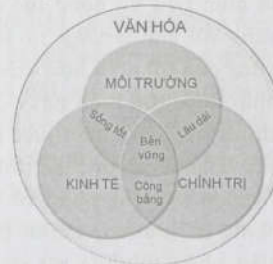
1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Sdd, tr.113.

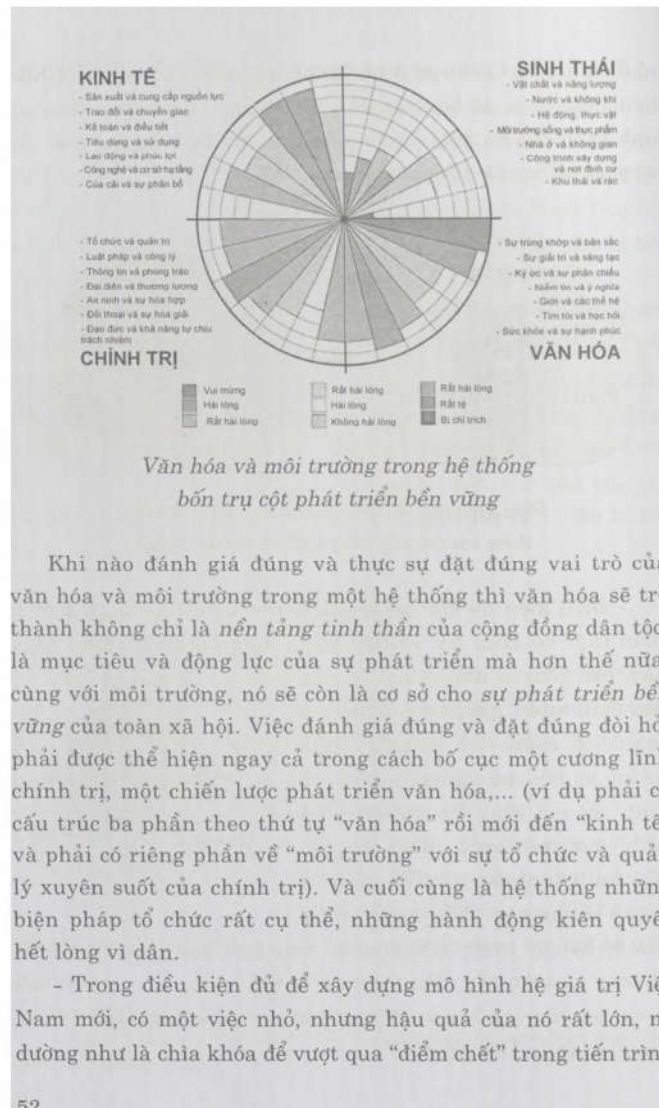
có điều kiện cần cho sự hình thành một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đóng vai trò làm nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển của đất nước.



*Điều kiện cần để hình thành một nền văn hóa
đóng vai trò nền tảng tinh thần của xã hội*

- Điều kiện đủ đòi hỏi về chất: Trước hết là cần có một lý luận thực sự khoa học và tiến bộ về từng thành tố trong bộ ba này, bao gồm cả những vấn đề như dân chủ, tự do, quyền con người... ở thành tố chính trị; vấn đề “định hướng xã hội chủ nghĩa” ở thành tố kinh tế; mô hình hệ giá trị Việt Nam mới, các quan điểm chỉ đạo còn lại và nhiều vấn đề khác ở thành tố văn hóa. Tiếp theo là vị trí của bộ ba này trong môi quan hệ rộng hơn, bao gồm vấn đề địa phương và toàn cầu, dân tộc và khu vực, quốc tế..., và đặc biệt là vai trò của văn hóa và môi trường trong hệ thống bốn trụ cột của phát triển bền vững.





xây dựng nền văn hóa Việt Nam mới, đó là sự cần thiết *có sức mạnh để vượt qua chính mình*. Với cụm từ “vượt qua chính mình”, chúng tôi muốn nói đến việc *vượt qua nỗi sợ hãi do chính mình tạo ra*. Đây là “căn bệnh” của riêng văn hóa Việt Nam, nếu ta không tự chữa thì không ai chữa cho ta được cả.

Là sản phẩm của một nền văn hóa *cộng đồng làng xã* lâu đời, người Việt thường có tâm lý muốn *giống như mọi người* để được yên ổn: nghĩ thì đã có cộng đồng nghĩ cho (nên có *thói dựa dẫm*); làm thì cứ làm giống như mọi người (nên có *bệnh phong trào*); luôn sợ hãi những gì khác thường nên với những kẻ dám nghĩ, dám làm và sống khác thường thì cùng hòa vào với nhau để “ném đá” (nên có *thói cào bằng*). Trong đó, biểu hiện của thói cào bằng là đặc biệt nguy hiểm; chính nó tạo nên *nỗi sợ hãi thường trực*, sợ bị chụp mũ, sợ cái bóng cái gió do mình tưởng tượng ra. Căn bệnh sợ hãi này chi phối mọi người, ở mọi nơi, trong mọi lúc, trở thành một căn bệnh xã hội, là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến căn bệnh tiếp theo nguy hiểm không kém là *thói đối trá* (nghĩ một đằng nói một nẻo, nói một đằng làm một nẻo, làm một đằng báo cáo một nẻo...). Thói đối trá này đang khiến cho việc vận hành xã hội bị rối loạn, ở một mức độ nào đó là mất điều khiển, tạo mảnh đất màu mỡ cho tham nhũng hoành hành, làm hủy diệt mọi nỗ lực tốt đẹp của xã hội. Nó tạo nên một nghịch lý là trong khi phần đông sống trong nỗi sợ hãi bị chụp mũ thì có một bộ phận không nhỏ nhờ chui được vào các nhóm lợi ích và được bảo kê mà trở nên sống trên pháp luật đến mức *không còn biết sợ ai*.

Liên quan đến việc xây dựng và phát triển văn hóa, chúng tôi đề nghị trong các văn bản sắp tới, cần giải thích cụm từ “xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” một cách rõ ràng và chính xác hơn, khoa học và chặt

chẽ hơn, dễ hiểu và dễ vận dụng hơn. Cụ thể, “bản sắc dân tộc” chỉ cần hiểu là những giá trị tinh hoa của văn hóa truyền thống Việt Nam; “tiên tiến” là xây dựng Việt Nam theo các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Những giá trị tinh hoa cần phải có chỗ trống để cập nhật các kết quả nghiên cứu (thể hiện sự coi trọng khoa học).

Nền văn hóa Việt Nam tiên tiến là nền văn hóa với những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, nhưng là một chủ nghĩa xã hội sống động, có thể là với sáu đặc trưng theo Cương lĩnh năm 1991, với tám đặc trưng theo Cương lĩnh sửa đổi, bổ sung năm 2011 hoặc sẽ còn tiếp tục điều chỉnh trong những cương lĩnh tiếp theo. Đó chính là chủ nghĩa xã hội theo cách hiểu của Việt Nam, không cần đao to búa lớn nhưng đã có tích hợp tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong đó. Ngay cả Trung Quốc tuy có gần 2.000 năm tôn sùng Khổng Tử, nhưng cái mà Trung Quốc sử dụng đưa vào cuộc sống không phải là Khổng giáo, mà là *Nho giáo* - một Nho giáo với nội dung đầy biến động (từ Hán Nho qua Đường Nho, Tống Nho, Minh Nho).

Cho nên, đã đến lúc không nên đưa vào những văn bản quan trọng những tên tuổi quá cụ thể, dù là Mác hay ai, khiến cho khoa học và cuộc sống bị đông cứng hóa, “bùa chú” hóa, làm duy trì trong con người Việt Nam những nỗi sợ. Việc giảm bớt tần số xuất hiện các tên tuổi lãnh tụ trong các văn kiện quan trọng sẽ là một cách “tập” cho người Việt Nam làm quen với cách nhìn các lãnh tụ như những *vĩ nhân* chứ không phải như những *thánh thần*. Tư tưởng của các vĩ nhân, dù họ thiên tài đến mấy, cũng sẽ bị vượt qua. Chỉ khi những tư tưởng ấy được phát triển, bổ sung, bồi đắp theo thời gian và không gian thì chúng mới trường tồn cùng năm tháng.

Chỉ có bắt đầu từ một cách nghĩ như thế, người Việt Nam

mới có sức mạnh để *vượt qua nỗi sợ*, Đảng Cộng sản Việt Nam mới có sức mạnh để *vượt qua chính mình*; trấn áp những kẻ tham nhũng không biết sợ ai, loại trừ bệnh giả dối, từng bước lấy lại lòng tin, ổn định xã hội; lãnh đạo thành công việc xây dựng con người Việt Nam mới, văn hóa Việt Nam mới, làm cơ sở cho việc phát triển bền vững đất nước Việt Nam.

XÂY DỰNG VĂN HÓA DÂN TỘC THỜI HỘI NHẬP

PGS.TS. PHẠM QUANG LONG

Khi viết những dòng đầu tiên cho công trình nghiên cứu nổi tiếng về văn hóa của mình, GS. Đào Duy Anh viết: “Cái văn hóa của tổ tiên ta gây dựng trong hai nghìn năm để sinh trưởng giữa những điều kiện tự nhiên ác liệt của xứ này, tất phải có sinh khí mạnh mẽ lắm. Song cái văn hóa thích hợp cho sự sinh trưởng của một xã hội bế tỏa, đến khi xã hội ấy gặp tình thế bất buộc phải khai thông, thì nó lộ ngay hết mọi nhược điểm. Cái bi kịch hiện thời của dân tộc ta là sự xung đột của những giá trị cổ truyền của văn hóa cũ ấy với những điểm mới của văn hóa Tây phương. Cuộc xung đột ấy sẽ giải quyết thế nào, đó là một quan hệ đến cuộc sinh tử, tồn vong của dân tộc ta vậy. Nhưng muốn giải quyết thì phải nhận rõ chân tướng của bi kịch ấy, tức là một mặt phải xét lại cho biết nội dung của văn hóa xưa như thế nào, một mặt phải nghiên cứu cho hết chân giá trị của văn hóa mới”¹. Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh thêm luận điểm của GS. Đào Duy Anh là chỉ có thể giải quyết thật tốt mối quan hệ giữa những yếu tố truyền thống của văn hóa dân tộc với những yếu tố văn hóa ngoại nhập khi xung đột văn hóa xảy ra bởi điều này liên quan đến “sự sinh tử, tồn vong của dân tộc”,

1. Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2000, tr.7-8.

thì việc nhận chân nền văn hóa dân tộc và những giá trị của văn hóa mới, phải được đặt lên hàng đầu.

1. GS. Đào Duy Anh nêu vấn đề này khi mà xã hội Việt Nam đã trải qua hơn nửa thế kỷ ổn định dưới chế độ thực dân nửa phong kiến. Nếu chúng ta coi cái chết của nhà yêu nước Phan Đình Phùng năm 1895 như là sự chấm dứt của phong trào Cần Vương thì xã hội Việt Nam sau thời điểm này đã bắt đầu đi vào ổn định theo một trật tự mới. Thực dân Pháp sau khoảng hai thập kỷ liên tục đánh bại các cuộc khởi nghĩa yêu nước của nhân dân ta đã bắt đầu rảnh tay hơn cho công cuộc tổ chức lại bộ máy xã hội phục vụ việc khai thác thuộc địa và đô hộ lâu dài của chúng ở nước ta. Quá trình đô thị hóa bắt đầu diễn ra với tốc độ rất nhanh ở trên cả ba miền và chỉ trong khoảng hai, ba thập kỷ, xã hội Việt Nam đã tiến những bước rất dài theo con đường Âu hóa mà thực chất là hiện đại hóa theo hướng tư bản chủ nghĩa, từng bước mở cửa hội nhập với nền văn minh phương Tây. Chính sách kinh tế do Pháp chủ trương trong một thời gian ngắn gần như đã phá vỡ hoàn toàn hệ thống kinh tế phong kiến tồn tại hàng nghìn năm, làm đổ vỡ hoặc rạn nứt nền tảng tinh thần của một xã hội phong kiến kiểu phương Đông điển hình. Ở nông thôn, tầng lớp nông dân bị cướp ruộng đất, dẫn đến phá sản; một bộ phận bị đẩy vào con đường bán cùng hoá. Quá trình sản xuất hàng hóa theo hướng tư bản một mặt đã đẩy phần lớn nông dân rơi vào cảnh cơ cực nhưng mặt khác nó lại góp phần đẩy mạnh sản xuất và chính sách này đã làm cho quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng hơn. Ngoài các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Vinh ở phía Bắc thì các đô thị như Đà Nẵng, Sài Gòn ở phía Nam và các thị xã, thị tứ ở khắp cả nước đã dần hình thành với những cư dân mới, nghề nghiệp mới, nếp sống mới, quan hệ mới, nhu cầu xã hội mới. Cư dân mới ở thành thị, theo các Giáo sư Trần Đình Hượu

và Lê Chí Dũng, là bộ phận mới, khác hẳn với tầng lớp tứ dân trước đây (sĩ, công, nông, thương), “họ đã thành những cá nhân trước pháp luật bảo hộ, ít nhiều có quyền tự do của đời sống thành thị tư sản”. Cùng với những biến đổi ấy, “xã hội Việt Nam chuyển mình một cách đau đớn, nhục nhã sang hướng tư bản” và trước các nhà tư tưởng (phần lớn là các trí thức Nho giáo sống ở giai đoạn giao thời) của thời kỳ này, một câu hỏi đặt ra cũng day dứt không kém là làm thế nào để giữ những gì của ông cha nhưng vẫn phải duy tân, đổi mới để tồn tại? Rất nhiều vấn đề đặt ra trước cuộc đảo lộn xã hội chưa từng có mà hàng nghìn năm nay, những trí thức Nho giáo giữ vai trò lãnh tụ tinh thần của quê hương, dân tộc mình không thể nào hình dung ra. Với họ, trước đây, những thay đổi chỉ nằm trong giới hạn “thương hải tang điền”, nghĩa là những đổi thay mang tính vật lý, tự nhiên nhiều hơn là những thay đổi trong đời sống tinh thần của mỗi con người. Thời thế đã thay đổi, “có nhiều con người khác trước, nhiều quan hệ khác trước, nhiều chuyện khác trước”... “cuộc sống tràn ra ngoài khuôn khổ nhân tình thế thái mà trở thành một cuộc sống xã hội cụ thể đa dạng và sống động... người ta phải tự ý thức, phải sống, suy nghĩ, ước mơ cho riêng mình trong những điều kiện của một xã hội phức tạp rộng lớn”. Trong xã hội dần hình thành một nền văn hóa thị dân, vừa là sản phẩm của tầng lớp thị dân, vừa để đáp ứng nhu cầu của tầng lớp này. Lớp công dân mới ở thành thị gồm những trí thức mới, tầng lớp công chức mới, những dân nghèo thành thị, công nhân, học sinh, sinh viên của các trường do chính quyền mới mở... đòi hỏi phải có những món ăn tinh thần mới, phù hợp với nhu cầu của một xã hội đang đô thị hoá. Lớp công dân này đã quyết định sự phát triển của văn hóa Việt Nam trong khoảng ba thập niên đầu của thế kỷ XX. Báo chí, xuất bản, sách dịch của đủ các nguồn từ phương Đông, phương Tây ào ạt xuất hiện.

Những ấn phẩm của thời kỳ mới cũng xuất hiện ngày càng nhiều và những sự việc, vấn đề của xã hội đương thời lần lượt dần những câu chuyện đạo lý theo kiểu cũ, từng bước chiếm lĩnh đời sống tinh thần của người Việt. Những giá trị mới cũng đã xuất hiện. Cái ăn, cái mặc cũng đổi khác, tiện lợi và phù hợp với đời sống đang đô thị hoá. Người ta chọn nghề, chọn vợ, chồng, định ra những tiêu chuẩn khác hẳn trước. Một lối sống mới đã hình thành và tỏ rõ ưu thế hơn hẳn lối sống truyền thống, dù không phải tất cả những biểu hiện của nó đã là mỹ tục. Người ta đã từng chứng minh rằng, chỉ trong vài thập kỷ, xã hội Việt Nam đã mở cửa tiếp nhận đủ các loại hình văn hoá, tư tưởng chính trị, xã hội, đủ các thứ chủ nghĩa mà ở phương Tây phải diễn ra trong vài thế kỷ. Những nền tảng văn hóa này khi du nhập vào nước ta đã tạo ra một bước thay đổi căn bản, dồn dập, tạo nên những giá trị mới ở thành thị nhưng không thành công ở các vùng nông thôn do những điều kiện xã hội chi phối. Rõ ràng, “cuộc hội nhập lần thứ nhất”, theo cách nói của GS. Trần Quốc Vượng, diễn ra một cách sâu rộng, đau đớn, tủi cực, vừa cưỡng bức, vừa tự nguyện. Ở đây cũng nên lưu ý luận điểm của GS. Trần Đình Hượu là không phải nhà tư tưởng nào của thời kỳ ấy cũng nhận thức rạch ròi được nhu cầu giữ gìn những giá trị truyền thống dân tộc kết hợp với nhu cầu duy tân để đưa đất nước vào con đường hội nhập với thế giới - con đường duy nhất để chấn hưng dân tộc. Có người đã lầm tưởng rằng, duy tân đồng nghĩa với việc đi theo những gì mà văn hóa Âu - Mỹ (cụ thể là văn hóa Pháp) đã vạch ra và cũng có cả những người ngộ nhận giữ gìn những giá trị xưa cũ của ông cha là chống lại tất cả những gì mà người Pháp đưa lại vì nó đi theo gót chân xâm lược của kẻ thù.

2. Từ sau năm 1945 cho đến những năm 80 của thế kỷ XX, xã hội Việt Nam về cơ bản phát triển trong tình hình chiến

tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chính quyền ở hai miền theo những định hướng xã hội - chính trị khác nhau. Ở miền Nam, dưới chính thể Việt Nam Cộng hoà, ở đô thị chịu ảnh hưởng nhiều của văn hóa Mỹ (mà giới nghiên cứu thường gọi là chủ nghĩa thực dân mới) nhưng những phản ứng từ lập trường dân tộc, một phần bắt nguồn từ ý thức dân tộc, một phần chịu ảnh hưởng của những quan điểm văn hóa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc mà ở các vùng nông thôn vẫn tiềm tàng những giá trị xưa cũ của truyền thống Nho giáo và văn hóa bản địa. Ở miền Bắc, nền tảng tinh thần xã hội được xây dựng trên một cơ sở xã hội theo xu hướng xã hội chủ nghĩa và quan hệ của cộng đồng dân cư được tổ chức theo đường lối Mác - Lênin đã tạo ra một sự thống nhất của cả xã hội.

Từ sau năm 1975 cho đến giữa những năm 80 của thế kỷ XX, dù trải qua nhiều biến động, nhưng nền tảng tinh thần và những giá trị văn hóa của cả nước về cơ bản vẫn ít có sự thay đổi. Giữa nông thôn và thành thị mặc dù có những khoảng cách về cư dân, đời sống, điều kiện sống, dân trí... nhưng khoảng cách về văn hóa và giá trị tinh thần không lớn. Những giá trị văn hóa truyền thống và những hệ giá trị mới theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin dường như thấm sâu vào đời sống, trở thành giá trị cơ bản, chi phối và chỉ đạo các giá trị khác ở cả thành thị và nông thôn. Về con người, cũng không có biến đổi nhiều, chưa hình thành những lớp người mới, "tứ dân" của thời kỳ đó gồm công, nông, binh và trí thức vẫn là lực lượng chủ yếu của xã hội; họ hầu như thống nhất với nhau về thế giới quan và nhân sinh quan, giá trị văn hoá, tiêu chuẩn đạo đức trước những vấn đề của toàn xã hội cũng như của mỗi cá nhân. Tiếng là "tứ dân" nhưng lực lượng đông đảo nhất vẫn là nông dân và một bộ phận đông đảo trong họ là bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hoả tuyến xuất ngũ, hoàn thành nghĩa vụ trở

về địa phương, trở thành những công dân tiên tiến ở nông thôn. Điều quan trọng nữa là mối dây liên hệ giữa nông dân và làng quê - nguồn gốc của hầu hết những lực lượng xã hội còn lại, vẫn hết sức chặt chẽ nên trong hệ giá trị ở những thành phần còn lại vẫn in đậm dấu ấn của người nông dân, của tư tưởng nông dân và sản phẩm của nền kinh tế tiểu nông. Quan hệ xã hội vẫn duy trì như suốt mấy chục năm thuộc thể chế dân chủ cộng hoà. Bản chất của họ vẫn là những người nông dân. Quan hệ sản xuất và phân phối sản phẩm lao động vẫn theo những nguyên tắc cũ. Nghĩa là trong xã hội, chưa có những đảo lộn về mặt tinh thần, chưa xuất hiện những tầng lớp mới, những nhu cầu xã hội, văn hóa mới và sự tiếp biến của văn hóa cả nước vẫn theo nếp cũ, chậm chạp, theo những chuẩn mực cũ. Những tiếp nhận hệ giá trị tư tưởng theo hệ thống Mác - Lênin, qua Liên Xô và Trung Quốc, cách thức tổ chức xã hội theo mô hình kế hoạch hóa đầy tính quan liêu, bao cấp đã để lại cả những thành tựu lẫn những bất cập, sai lầm mà ai cũng nhận ra. Nói cho công bằng, những tư tưởng nhân văn cao đẹp của hệ giá trị văn hóa giai đoạn này rất lớn lao, nhưng cũng đầy chất sách vở, thiếu sức sống, khiến mỗi thành viên trong xã hội luôn phải cố gắng mình lên “cho kịp với tinh thần của thời đại”; đồng thời sự xơ cứng, giáo điều, trì trệ của hệ giá trị văn hóa giai đoạn này cũng để lại những hệ lụy ghê gớm mà di chứng của thời kỳ ấy đến nay chúng ta cũng chưa khắc phục hết.

3. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới, mở cửa, mở ra một thời kỳ hội nhập mới, xã hội Việt Nam đã có những thay đổi vô cùng to lớn. Từ cơ chế quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa rồi đến kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền tảng xã hội và tinh thần của nước ta đã có những biến động sâu sắc. Có những chuyển biến gần giống như giai đoạn giao thời đầu thế kỷ XX trên tất cả các mặt kinh tế, xã hội,

con người, văn hoá... nhưng quyết liệt hơn, đồng bộ hơn và cũng “nghiệt ngã” hơn. Đảng Cộng sản Việt Nam chịu trách nhiệm toàn diện về sự phát triển của đất nước, đã đặt ra mục tiêu trong khoảng ba đến bốn thập kỷ sẽ đưa nước ta về cơ bản thành một nước phát triển theo hướng hiện đại, trong đó coi văn hóa là nền tảng tinh thần, là động lực để phát triển xã hội. Đặc biệt từ sau khi trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Việt Nam bắt buộc phải thay đổi nhiều chính sách kinh tế - xã hội, điều chỉnh nhiều chính sách vốn có để phù hợp với luật chơi của cả thế giới mà nước ta là một thành viên. Việc đổi mới thể chế chính trị và hệ thống kinh tế lúc này vừa là nhu cầu nội tại vừa là áp lực từ bên ngoài mà nếu thực hiện không hiệu quả sẽ không thể thực hiện được mục tiêu hoặc sẽ đi chệch hướng. Bài học của nhiều nước đi trước chúng ta, bao gồm cả thành công và thất bại, thành công về kinh tế nhưng lại để lại những hậu quả nặng nề về mặt xã hội... đã chứng minh điều đó. Mặt khác, đổi mới thể chế chính trị và thể chế kinh tế (ở cả hai phương diện quan trọng nhất là sở hữu tư liệu sản xuất và phân phối sản phẩm) lại là những vấn đề xương sống của chế độ xã hội. Vượt qua được những thử thách này một cách khoa học, căn cứ vào những điều kiện cụ thể, đặc thù của đất nước là bài toán phức tạp, không dễ tìm ra lời giải đáp thoả đáng. Nhiều chuyên gia kinh tế và nhiều nhà quản lý xã hội, từ những nghiên cứu cụ thể đã chỉ rõ: Về kinh tế, sau gần 30 năm đổi mới, có thể chia chặng đường này làm ba giai đoạn nhỏ: giai đoạn 1986 - 1996 là thời kỳ tạo động lực và hình thành từng bước tiến hành thực hiện cơ chế thị trường, đưa kinh tế nước nhà thoát khỏi khủng hoảng; giai đoạn 1996 - 2006 là thời kỳ kinh tế phát triển nhanh và giai đoạn gần 10 năm gần đây là thời kỳ kinh tế liên tiếp suy giảm, có lĩnh vực đã ở tình trạng báo động. Việc đổ vỡ của các tổng công ty lớn, tình

trạng phá sản của hàng chục nghìn doanh nghiệp vừa và nhỏ hằng năm, sự đổ vỡ của nhiều ngân hàng... đã đẩy kinh tế nước ta rơi vào tình trạng liên tục giảm tốc độ tăng trưởng, có những đổ vỡ gây hậu quả xã hội nghiêm trọng; công cuộc tái cơ cấu nền kinh tế chưa thành công. Dường như các giải pháp cũ đã hết tác dụng, không còn giữ được vai trò động lực như trước đây. Nhiều vấn đề về nông thôn, nông nghiệp, nông dân, về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước... đang gây ra những hậu quả xã hội xấu, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội trên tất cả các mặt, nhất là an sinh xã hội và các vấn đề văn hoá. Nhiều người đặt vấn đề cần tìm ra động lực mới cho giai đoạn phát triển hiện nay của đất nước.

Theo dõi tình hình tăng trưởng kinh tế của đất nước trong gần ba thập kỷ qua, nhiều chuyên gia kinh tế trong Diễn đàn Kinh tế mùa thu năm 2013 đều có chung một nhận xét rằng: kinh tế thuộc khu vực sở hữu nhà nước được đầu tư lớn, nhiều ưu tiên hơn nhưng không giữ được vai trò đầu tàu cho nền kinh tế nước nhà. Nhìn từ góc độ hiệu quả đầu tư thì đây là khu vực có chỉ số thấp nhất. Ở đây có cả nguyên nhân từ thể chế, chính sách và vai trò của người được giao quyền điều hành nhưng yếu tố quyết định là do thể chế kinh tế. Kinh tế khu vực tư nhân dù vẫn chịu sự chi phối của thể chế nhưng có khá hơn do sự chi phối ấy đã giảm đi đáng kể do tính chất tư hữu của chủ thể và chính sách phân phối theo thoả thuận. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ít chịu sự chi phối nhất của thể chế chính trị và kinh tế nên có mức tăng trưởng khá nhất. Như vậy, yêu cầu phải có sự thay đổi thể chế kinh tế và mô hình tăng trưởng đã đặt ra cấp bách và không còn là vấn đề của riêng phạm vi kinh tế mà đã trở thành là vấn đề của toàn xã hội.

Sự biến động về cơ cấu kinh tế - xã hội, cơ cấu hạ tầng xã hội trong 30 năm gần đây diễn ra đặc biệt gay gắt và làm biến

dạng nền tảng tinh thần xã hội. Ở tầm vĩ mô, khi đã thừa nhận năm thành phần kinh tế và những hình thức sở hữu mới về tư liệu sản xuất, về quyền sở hữu của công dân thì điều đó có nghĩa là cơ cấu xã hội đã thay đổi và mỗi bộ phận trong xã hội lại có những nhu cầu xã hội (cả vật chất lẫn tinh thần) của giới mình; điều đó góp phần điều chỉnh lại các quan hệ xã hội và những giá trị xã hội trong những tương quan vị trí và lợi ích mới. Điều dễ nhận ra nhất là xã hội Việt Nam lúc này không còn thuần chất, đơn giản như từ năm 1986 trở về trước mà đa dạng và phức tạp hơn nhiều. Ở phần vi mô (mỗi cá nhân và gia đình) cũng khác trước rất nhiều. Con người cá nhân, quyền lợi cá nhân được pháp luật thừa nhận, bảo vệ nên sự thay đổi từ hướng “mỗi người vì mọi người” sang “mỗi người trước hết vì bản thân mình” rồi mới đến những nghĩa vụ đối với xã hội đã chi phối hành vi và đạo đức không chỉ của cá nhân mà còn của cả xã hội. Sự liên kết giữa con người với các thành viên trong gia đình, con người trong cộng đồng cũng lỏng lẻo hơn và đa diện hơn mà nòng cốt của các quan hệ là xuất phát từ những lợi ích cá nhân (cả vật chất và tinh thần). Khái niệm “lợi ích nhóm” xuất hiện và nhóm lợi ích đã chi phối cả những vấn đề thuộc về chính sách ở tầm vĩ mô, gây những hậu quả hết sức nghiêm trọng không chỉ cho lĩnh vực kinh tế mà còn cho cả nền tảng đạo đức, nền tảng tinh thần cho xã hội. Như vậy, khi xem xét hệ giá trị mới, không thể bỏ qua những mặt này với tư cách là những thực thể chi phối xã hội chứ chưa xét vấn đề ở khía cạnh đạo đức, giá trị vì điều đó còn phức tạp hơn nhiều.

4. Thời đại bùng nổ thông tin khiến con người gần nhau hơn và tạo nên một thế giới trở nên “phẳng” hơn. Các phương tiện thông tin không chỉ là những phương tiện thuần túy kỹ thuật mà còn làm cho con người thay đổi nhận thức, thay đổi thái độ trước cuộc sống. Một xã hội kỹ trị vừa tạo điều kiện cho con

người là mình nhưng cũng đồng thời đẩy con người tha hóa nhanh hơn, tạo ra ở họ những phản ứng không lường trước. Để có thể thích hợp với xã hội mới, con người phải đổi mới mình rất nhanh và tạo ra cho mình một tâm thế phù hợp để thích nghi nếu không muốn bị đào thải. Ở phương diện quốc gia cũng như vậy. Con người hôm nay chịu sự tác động đồng thời của rất nhiều yếu tố bên ngoài, những yếu tố có thể làm thay đổi quan niệm của con người trước thế giới không phải chỉ từ những tác động của kinh tế hay những xung đột xã hội mà có thể chỉ là những thông tin qua hệ thống thông tin đại chúng hoặc một hành động khủng bố. Theo nhà nghiên cứu E. Balatóp, theo số liệu điều tra của tờ *USA Today* và *Gallup Poll*, năm 2010, sau sự kiện khủng bố ngày 11-9-2001, một số đông người Mỹ đã thay đổi quan niệm quyền riêng tư cá nhân (*Privacy*) mà trước đây được coi là “bất khả xâm phạm” để đổi lấy quyền được đảm bảo về an ninh, quyền được yên ổn. Theo số liệu công bố thì có đến 79% người Mỹ được hỏi đã cảm thấy chấp nhận được khi bị chụp ảnh toàn thân khi đi qua hệ thống giám sát ở sân bay (có nghĩa là bị nhân viên an ninh soi toàn thân) và có 71% người dân Mỹ tuyên bố việc “mất quyền riêng tư cá nhân” để đảm bảo “ngăn chặn các hành động khủng bố” là hoàn toàn chấp nhận được¹. Hệ thống thông tin ngày nay đã cho phép các cá nhân và tổ chức trên toàn thế giới liên hệ với nhau trực tiếp hơn và sự tham gia của các cá nhân vào hệ thống chính trị, xã hội không chỉ của đất nước mình mà ở mọi miền trên thế giới cũng ngày càng sâu và đa diện hơn. Trước mỗi chính sách đối nội hay đối ngoại, mỗi chủ trương nào đó, các công dân (ủng hộ hay phản đối) sẽ được tham gia bàn thảo và về một phương diện nào đó,

1. Theo E. Balatóp: “Các xu thế toàn cầu hiện nay và ý thức mới”, tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 3-4, 2013.

nó có thể gây ra những áp lực nhất định cho nhà cầm quyền. Việc xảy ra cuộc cách mạng màu da cam ở Ucraina, cách mạng mùa xuân Ả-rập ở Trung Đông, cuộc biểu tình của phe áo đỏ ở Thái Lan có vai trò không nhỏ của trang mạng xã hội Facebook, của mạng internet. Như vậy, ở khía cạnh không mong muốn, các phương tiện truyền thông lại góp phần gây ra những bất ổn xã hội bởi những người sử dụng nó với những mục đích tiêu cực đã biết phát huy ưu điểm của loại hình thông tin này. Không thể ngăn chặn những hoạt động chống phá hoặc những thông tin bất ổn cho xã hội nhưng nếu không sớm nghĩ ra những chính sách quản lý hiệu quả, các phương tiện này sẽ biến thành những công cụ gây mất ổn định xã hội. Theo phân tích của cơ quan chuyên môn, những người chủ trương sử dụng các phương tiện này chủ yếu sử dụng các máy chủ, nguồn cung cấp và điều hành ở nước ngoài để tác động đến những người trong nước, tạo hậu thuẫn từ các quốc gia khác và các tổ chức quốc tế ủng hộ họ. Như thế, có thể thấy, sự mở rộng đến vô cùng của những tác động bên ngoài biên giới quốc gia, bên ngoài hệ tư tưởng đến mỗi cá nhân có thể làm thay đổi thái độ nhận thức của con người. Sự lựa chọn thái độ ứng xử ở đây khác với sự lựa chọn chính thống của chính thể. Vì vậy, cần lựa chọn thái độ chủ động ứng phó ở tầm quốc gia vì nó liên quan đến vận mệnh của cả dân tộc.

5. Văn hóa là một dòng chảy liên tục, luôn đổi mới, tiếp nhận những yếu tố mới và cũng luôn tự đào thải những yếu tố lỗi thời, những giá trị đã không còn ý nghĩa đối với đời sống. Ở nước ta, một loạt những giá trị của quá khứ đã lỗi thời bởi thời gian, trở thành gánh nặng của ngày hôm nay. GS. Trần Đình Hượu khi đánh giá về vốn truyền thống quá khứ đã có nhận xét rất chí lý rằng: do được hình thành trên cơ sở một nền kinh tế cá thể, gắn với những thói quen của tâm lý tiểu nông, người Việt xưa dù có

tiếng là hiếu học nhưng nhìn sâu vào bản chất vấn đề lại thấy có sự khác biệt rất lớn giữa cái gọi là hiếu học với giá trị sử dụng của những tri thức trong đời sống. Đó là “không trọng trí tuệ, chỉ trọng sự khôn khéo. Khôn khéo là ăn cổ đi trước, lội nước đi sau, thủ thế, giữ mình, biết thoát ra hoàn cảnh khó khăn”. Giá trị ấy chỉ có thể phù hợp với một đời sống của ông cha chúng ta trong quá khứ, ở trong một xã hội mà hệ giá trị Nho giáo cộng với những thói quen của đời sống tiểu nông chi phối chứ trong giai đoạn hiện nay, nó không thể trở thành lối sống của người Việt. Nếu nó còn tồn tại ở đâu đó, trong những quan hệ nào đó thì nó sẽ trở thành lực cản cho sự phát triển hôm nay. Nhìn lại lịch sử phát triển của dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt ở những thời điểm có ý nghĩa quan trọng như những bước ngoặt, có thể thấy rất rõ rằng, nếu trong những thời điểm ấy, không có những con người đứng ở vai trò dẫn đường cho cả xã hội ở cả tầm tư tưởng sáng tạo và ở tầm cao của nhân cách văn hoá, không tổ chức được những lực lượng xã hội có năng lực đáp ứng được những đòi hỏi của thời cuộc, những cuộc “vượt cạm” của xã hội sẽ không thành công. Bởi suy cho cùng, vai trò quyết định cho sự phát triển của một giai đoạn lịch sử nào đó bao giờ cũng gắn với những con người cụ thể, những tư tưởng mang tính đột phá, mang ý nghĩa mở đường để giải quyết những nhiệm vụ của thời đại. Lâu nay chúng ta chưa đánh giá đúng mức vai trò của đội ngũ hoặc cá nhân (nhất là những cá nhân) đi tiên phong, đứng ở tầm cao của thời đại mình đối với các cuộc vận động xã hội mà thường chú ý đến việc đề cao đám đông bởi quan niệm có phần giản đơn về vai trò của cá nhân và quần chúng trong lịch sử. Có một thực tế là bất cứ cuộc cải cách xã hội nào cũng là phong trào của quần chúng, của đám đông nhưng người châm ngòi cho những đảo lộn ấy lại bắt đầu từ những cá nhân - những trí thức lớn, đi trước thời đại bằng tầm cao của học vấn, sự minh triết

của tư tưởng, khả năng tập hợp và tổ chức quần chúng của tài năng và nhân cách văn hóa của những cá nhân ấy mới là yếu tố quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định. Nhiều nhà nghiên cứu sử học đã cho rằng, triều Lý mở đầu cho một thời đại trị quốc bằng luật pháp, nghĩa là đã ở tầm của văn hóa cai trị chứ không phải chỉ dựa trên sức mạnh của quân sự (“không phải là thời đại của các vua hùng mà là thời đại của các vua hiền”) và Lý Công Uẩn mở ra một thời đại mới của dân tộc không phải chỉ ở một hành vi dời đô mà là ở tầm cao ý thức về dân tộc, về trình độ tổ chức xã hội và đó là cơ sở cho triều đại đó tồn tại hơn 200 năm. Dựa vào dân, “khoan thư sức dân làm kế sâu rễ, bền gốc”, dựa vào dân vào những thời điểm khó khăn nhất mà vua quan nhà Trần đã nhân lên sức mạnh dân tộc, ba lần chiến thắng kẻ thù hung hãn đã từng in vó ngựa xâm lăng đến một nửa trái đất, bảo toàn sự toàn vẹn lãnh thổ, đánh dấu một trong những thời đại biết lấy tinh thần đại đoàn kết dân tộc làm sức mạnh tinh thần cho công cuộc chống xâm lăng. Tư tưởng nhân nghĩa mà đỉnh cao là Nguyễn Trãi đã khẳng định một thời kỳ phát triển rực rỡ của lịch sử dân tộc vì đã coi sức mạnh của văn hóa như là cội nguồn sức mạnh dân tộc. Với Nguyễn Huệ, chỉ có đánh bại dã tâm xâm lược của kẻ thù, “đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ” mới có thể bảo toàn sự thống nhất trọn vẹn của quốc gia. Và bằng chứng hùng hồn nhưng cũng gần gũi với chúng ta hơn cả là tinh thần “văn hóa soi đường cho quốc dân đi” ở Chủ tịch Hồ Chí Minh với những kỳ tích trong lịch sử hiện đại. Sự lớn mạnh của cả một dân tộc trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động, ở những thời điểm thử thách khắc nghiệt nhất đã khẳng định tầm nhìn vượt trước thời đại và khả năng tổ chức cả một dân tộc cùng với mình lập nên những kỳ tích khiến nhân loại phải nghiêng mình và kẻ thù cũng phải kính phục. Vai trò của các cá nhân đã xoay chuyển guồng máy lịch sử đi theo những

con đường đem lại vẻ vang cho dân tộc mình mà cội nguồn của tư tưởng ấy là lòng yêu nước, yêu dân, là “ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”¹. Theo cách nói của H. Kítxinhgiơ thì Hồ Chí Minh là người biết tổ chức cả một thế hệ, cả một dân tộc cùng đứng lên với mình vì độc lập, tự do của dân tộc và đó là cội nguồn sức mạnh Việt Nam. Rõ ràng vấn đề con người vẫn giữ vai trò quyết định trong mọi cuộc cách mạng xã hội, trong đó vai trò dẫn đường của những nhân cách, văn hóa lớn có ý nghĩa quyết định bởi chỉ có họ chứ không phải đám đông quần chúng (dù đám đông mới là người thực hiện cuộc cách mạng xã hội) mới đưa cuộc cách mạng đi đến thành công.

Ở một khía cạnh khác, không thể không nhận thấy vai trò của đám đông. Vấn đề là ở chỗ, đám đông ấy là ai và họ giữ vai trò gì trong cuộc cách mạng xã hội? Nhìn lại cuộc phục hưng của dân tộc và vai trò của các vĩ nhân thì thấy họ thường khẳng định mình ở độ tuổi từ 30 đến 40 tuổi. Đó là thời kỳ sáng tạo và phát triển mạnh mẽ nhất ở họ. Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Hồ Chí Minh trở thành những người mở đường cho đất nước đều ở lứa tuổi này. Giới trí thức Tây học tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, mở đường cho kỷ nguyên mới của đất nước cũng ở lứa tuổi này. Vì vậy, nếu coi trọng trí thức và giao trọng trách cho thế hệ trẻ thì đó chính là cơ may để tạo ra sự phục hưng cho dân tộc bởi không có ai khác ngoài những người trẻ tuổi mới đảm nhiệm được vai trò tìm đường, nhận đường và tổ chức thành công cuộc cải cách hiện nay. Lúc này, quyền lực của trí tuệ cần được đánh giá đúng mức và sử dụng đúng vai trò của nó, vào đúng việc nó có thể đem lại hiệu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t.15, tr.627.

quả. Bảo vệ Tổ quốc và giữ vai trò ổn định cho xã hội thuộc về lực lượng vũ trang còn để phục hưng dân tộc thì phải dựa vào đội ngũ trí thức, “phi trí bất hưng” - lời dạy của cổ nhân, vẫn còn nóng hổi tính thời sự. Tập trung xây dựng đội ngũ trí thức, trong đó có lực lượng tinh hoa của đội ngũ này, có cơ chế sử dụng, đãi ngộ thích đáng là chìa khoá cho sự thành công. Lại vẫn phải nhắc lại một điều hiển nhiên: phải có hiền tài mới có thể sử dụng được nhân tài để đem lại lợi ích cho dân tộc.

Ngoài ra, cần nhìn nhận lại cho đúng vị trí của giai cấp công nhân trong xã hội hiện đại. Công nhân ở nước ta hiện nay không có vị trí kinh tế - xã hội như đã từng có trong lịch sử bởi quan hệ kinh tế hiện nay đã khác trước, vai trò của họ trong đời sống ngày càng bị thu hẹp. Vì vậy, cần nhìn nhận lại vấn đề bản chất, vị trí của giai cấp công nhân trong lịch sử, kèm theo đó là đội ngũ những nhà tư sản mới - những doanh nhân, tránh những quan niệm xơ cứng, giáo điều. Bởi ngày nay cá nhân nhà tư sản cũng như giai cấp tư sản đã khác rất xa thời C. Mác viết *Tư bản* cả ở phương thức bóc lột lẫn quan hệ với người bị bóc lột. Đội ngũ doanh nhân mới ở nước ta thực chất là những tư sản kiểu mới, cần có những phẩm chất gì và điều quan trọng hơn là Đảng và Nhà nước cần làm gì để họ đồng hành cùng dân tộc, đem lại lợi ích cho cộng đồng nhiều hơn? Đối với giai cấp công nhân cũng cần có cách nhìn khác. Điều dễ nhận thấy là cần nâng cao đời sống cho đội ngũ công nhân cả về vật chất và tinh thần để họ có thể có điều kiện sống như những người dân có mức sống trung bình nói chung, để họ thoát khỏi thân phận của người làm thuê hiện đại. Đi đôi với vấn đề này là đánh giá đúng vị trí, vai trò của các doanh nhân - những nhà tư sản mới ở khía cạnh tích cực của họ và cũng nhận thức đúng những hạn chế ở họ, tránh rơi vào những cực đoan như đã từng xảy ra. Đó cũng là vấn đề của văn hoá.

Giới trẻ đang là lực lượng đông đảo nhất và hứa hẹn nhiều tiềm năng nhất. Chúng ta hiện chưa chăm lo đúng và đủ cho lực lượng này. Nếu đào tạo họ trở thành những công dân tốt, có nhân cách văn hóa tiêu biểu cho thời đại hiện nay thì họ sẽ là lực lượng quyết định đảm bảo cho sự nghiệp cách mạng thành công. Khát vọng trẻ, sức sáng tạo dồi dào, dám nghĩ, dám đi đến cùng khát vọng và những đam mê của mình là cội nguồn sức đột phá ở họ. Hướng họ đi đúng hướng sẽ rút ngắn được thời gian và làm tăng thêm hiệu quả xã hội trong những khát vọng cống hiến ở họ thuộc vai trò của Nhà nước. Họ là doanh nhân, trí thức, nhà hoạt động xã hội, chính khách của tương lai - những nhân tố đảm bảo cho sự phát triển của đất nước. Rõ ràng nhiều yếu tố văn hóa truyền thống, dù đã được khẳng định và tồn tại từ hàng nghìn năm, nhưng ở thời điểm này đã lỗi thời, không còn phù hợp với đời sống hiện đại, cần mạnh dạn loại bỏ. Thay vào đó là những hệ giá trị mới, trong đó những giá trị về tinh thần dân chủ, khát vọng tự do, sáng tạo, ý thức trách nhiệm đối với đất nước, cộng đồng và những tri thức văn hóa mới phù hợp với một xã hội hiện đại cần được xây dựng và trở thành những yêu cầu bắt buộc đối với mọi công dân, nhất là với giới trẻ. Cần làm thật rõ yêu cầu: giới trẻ cần những gì và làm sao để trang bị cho giới trẻ những giá trị tinh thần cần thiết để họ trở thành những chủ nhân tương lai, có đủ năng lực gánh vác trách nhiệm xây dựng đất nước trong một thế giới hiện đại, dân chủ, công bằng, văn minh chứ không phải những bài giảng về đạo đức, nghĩa vụ chung chung, thiếu sức sống như hiện nay. Đó là ý nghĩa khai sáng, mở đường của văn hoá, là tư tưởng “văn hóa soi đường cho quốc dân đi” mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề xuất từ những ngày đầu của chế độ dân chủ cộng hoà ở nước ta.